

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC - VNSTEEL

**ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2016**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4 năm 2016



1. Tuyên bố lý do chào cờ và giới thiệu đại biểu.
2. Thống nhất nhân sự Chủ tịch đoàn, Thư ký đoàn, Ban thẩm tra tư cách cử động tham dự đại hội.
3. Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cử động tham dự đại hội.
4. Thông qua Quy chế tổ chức đại hội.

1. Thông qua chương trình đại hội.
2. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 2015 và kế hoạch SXKD năm 2016.
3. Thông qua báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán.
4. Báo cáo của Ban kiểm soát kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty năm 2015.
5. Thông qua: Tờ trình về chia cổ tức, lập các quỹ năm 2015; Tờ trình về dự kiến chia cổ tức, lập các quỹ năm 2016; Tờ trình về chế độ thù lao HĐQT - BKS năm 2016, Tờ trình về thay đổi tên Công ty; Tờ trình về kế hoạch đầu tư năm 2016 và Tờ trình v/v giao quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán.
6. Thông qua tờ trình về sửa đổi Điều lệ.
7. Thông qua tờ trình về kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT, thay thế thành viên HĐQT xin thôi nhiệm, của Hội đồng quản trị.
8. Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát, thay thế thành viên xin từ nhiệm.
9. Cổ đông thảo luận và giải đáp của Hội đồng quản trị, lãnh đạo Công ty.
10. Công bố kết quả bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.
11. Phát biểu của đại diện Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP.
12. Phát biểu của Tổng giám đốc Công ty.
13. Biểu quyết thông qua các báo cáo và các tờ trình.
14. Thông qua nghị quyết đại hội.
15. Thông qua biên bản đại hội.
16. Tuyên bố bế mạc đại hội.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Hoàng Ngọc Oanh

Tp. HCM, ngày 5 tháng 4 năm 2016

**QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2016**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức;

Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức báo cáo dự thảo “Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016” như sau:

**CHƯƠNG I
QUI ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Mục tiêu

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội cổ đông

Điều 2. Phạm vi áp dụng

- Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức.
- Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo Quy chế này.

Điều 3. Yêu cầu chung

- Các cổ đông đến tham dự họp Đại hội phải đủ 18 tuổi trở lên và phải ăn mặc chỉnh tề.
- Không hút thuốc lá trong phòng họp Đại hội.
- Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông.

Các cổ đông/đại diện cổ đông có trách nhiệm tham dự Đại hội cổ đông từ khi bắt đầu Đại hội cho đến khi kết thúc Đại hội. Trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội mà không thông báo với Ban tổ chức thì cổ đông đó coi như mất quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 4. Điều kiện để tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông/đại diện cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết.

CHƯƠNG II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội

5.1. Quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội

Tất cả các cổ đông đều được dự Đại hội đồng cổ đông hoặc có thể ủy quyền cho người đại diện tham gia Đại hội. Cổ đông hoặc người đại diện tham gia Đại hội đều được nhận các phiếu biểu quyết có ghi số cổ phần của mình đối với các vấn đề thảo luận tại cuộc họp.

Mỗi cổ đông khi tới tham dự Đại hội phải mang theo giấy mời họp, Giấy tờ tùy thân (CMND, Hộ chiếu còn hạn sử dụng...) và Giấy ủy quyền (nếu có) trình Ban tổ chức Đại hội;

Cổ đông dự Đại hội đến muộn phải đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia biểu quyết Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dùng Đại hội để cho họ đăng ký và hiệu lực của đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

5.2. Nghĩa vụ của cổ đông khi tham dự Đại hội

- Tuân thủ các quy định, điều kiện tại Điều lệ Công ty và Quy chế này.
- Hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với ban tổ chức Đại hội
- Nghiêm chỉnh chấp hành quy chế tại Đại hội, tôn trọng kết quả làm việc tại đại hội.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

- Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Hội đồng Quản trị đề cử.
- Ban kiểm tra tư cách cổ đông kiểm tra và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách các cổ đông tham dự đại hội.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch đoàn và Ban thư ký Đại hội.

Chủ tịch đoàn:

- Chủ tịch đoàn do Đại hội bầu ra, trong đó có Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm Chủ tịch đoàn, chủ tọa đại hội, Chủ tịch đoàn điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình Đại hội và Quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tịch đoàn làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số. Chủ tịch đoàn hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội, và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

Chủ tọa có quyền :

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác.

- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hỗ trợ duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

- Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.

- Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- Thời gian hoãn theo qui định của Điều lệ công ty.

Ban thư ký:

thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tịch đoàn, cụ thể Ban thư ký có các nhiệm vụ sau:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội;
- Soạn thảo Nghị quyết Đại hội;
- Các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tịch đoàn.

CHƯƠNG III

THẺ LỆ BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

Điều 8. Cách thức tiến hành Đại hội

Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung phải biểu quyết theo Chương trình Đại hội.

Điều 9. Hình thức biểu quyết

- Các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

- Việc biểu quyết theo hình thức giơ thẻ biểu quyết: Những cổ đông không giơ thẻ biểu quyết trong cả ba lần Chủ tọa hỏi ý kiến về nội dung đó (Đồng ý, Không đồng ý, ý kiến khác) được xem là Đồng ý với nội dung đó.

Ban thư ký sẽ thống kê và công bố tỷ lệ biểu quyết của từng vấn đề tại Đại hội.

Điều 10. Thông qua bằng biểu quyết tại Đại hội

Các nội dung biểu quyết được coi là thông qua bằng biểu quyết tại Đại hội khi có ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành.

CHƯƠNG IV

PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

Điều 11. Nguyên tắc và hình thức phát biểu ý kiến

Cổ đông khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận thì ghi vào phiếu Chất vấn và phiếu góp ý của cổ đông có trong cặp tài liệu của các cổ đông, chuyển về Ban thư ký để ban thư ký chuyển về cho chủ tịch đoàn.

Ý kiến đóng góp, chất vấn cần ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua.

Chủ tịch đoàn sẽ giải đáp các thắc mắc của cổ đông.

CHƯƠNG V KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 12. Biên bản họp, nghị quyết Đại hội

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được Ban thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội, các vấn đề chính thông qua phải được ghi vào nghị quyết.

Nghị quyết và Biên bản Đại hội được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội và được lưu giữ vào sổ Nghị quyết Công ty.

CHƯƠNG VI ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 13. Trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông không thành.

Trường hợp trong vòng 60 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 4 Quy chế này thì việc triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai sẽ được tiến hành trong vòng 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất dự định khai mạc.

Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định thì được triệu tập cuộc họp lần thứ ba trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp lần hai và cuộc họp triệu tập lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông/đại diện cổ đông tham dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp theo đúng qui định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 14. Điều khoản thi hành

Quy chế này gồm 6 chương 14 điều và có hiệu lực kể từ khi được đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Hoàng Ngọc Oanh

Số 614^a/BC-VKC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4 năm 2016

BÁO CÁO
TỔNG KẾT CÔNG TÁC SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015
PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ NĂM 2016

PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015

Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008922 ngày 29 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần 2 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 0305409326 ngày 8 tháng 5 năm 2015.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Km số 9 xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty đăng ký là 122.253.930.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 122.253.930.000 đồng; tương đương 12.225.393 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trong đó tỷ lệ vốn của các cổ đông như sau:

- * Vốn nhà nước: 65% (tương ứng 79.465.100.000 VNĐ) do Tổng công ty Thép Việt Nam (VNS) sở hữu.
- * Vốn các tổ chức, cá nhân khác: 35% vốn Điều lệ (tương ứng 42.788.830.000 VNĐ) trong đó có 1 số cổ đông lớn như sau:
 - + Công ty Cổ phần Đại Lý Liên Hiệp Vận Chuyển: 10,9 % (tương ứng 13.322.950.000 VNĐ).
 - + Ông Lê Bá Phương : 7,0155 % (tương ứng 8.576.740.000 VNĐ).
 - + Bà Nguyễn Thị Thủy (Vợ ông Phương): 4,5% tương ứng 5.500.000.000 đ
 - + Ông Nguyễn Thành Nghĩa : 1,59 % (tương ứng 1.949.250.000 VNĐ).

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức là sản xuất, kinh doanh thép xây dựng.

Hội đồng quản trị báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015; kế hoạch, mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2016 như sau.

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI-THỊ TRƯỜNG NĂM 2015

1. Tình hình kinh tế xã hội

Kinh tế xã hội trong nước diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế thế giới phục hồi không đều, kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm lại, giá dầu giảm sâu ảnh hưởng tình hình tài chính quốc gia.

Nhìn chung năm 2015 tình hình kinh tế xã hội nước ta có nhiều tín hiệu tích cực về tăng trưởng GDP, kiểm soát lạm phát, cải thiện môi trường đầu tư - kinh doanh và phát triển kinh tế đối ngoại, trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều biến động phức tạp. Điểm tích cực nổi bật trong năm 2015 là GDP Việt Nam tăng 6,68 % vượt kế hoạch đề ra và cao hơn năm 2014.

Trong năm 2015 sản xuất công nghiệp luôn trong nước là động lực mạnh cho nền kinh tế, ghi nhận sự cải thiện đối với hầu hết các chỉ số. Chỉ số tiêu thụ tiếp tục tăng, chỉ số tồn kho thấp hơn cùng kỳ năm trước. Năm 2015 cũng lạm phát thấp, tổng mức tiêu thụ hàng hóa và dịch vụ tăng cao so với năm 2014.

Tuy nhiên, sản xuất trong nước chịu áp lực từ hàng hóa nhập khẩu giá thấp mà đặc biệt là từ Trung Quốc.

2. Tình hình thị trường thép

Giá các mặt hàng thép trên thị trường thép thế giới tiếp tục đi xuống và ở mức thấp tháng cuối năm. Thép giá rẻ Trung Quốc tràn vào thị trường là một trong những nguyên nhân chính tác động xấu thị trường thép thế giới.

Ngành thép trong nước chịu nhiều tác động từ thép nhập khẩu giá rẻ. Nhu cầu thị trường năm 2015 nhìn chung vẫn khá tốt, tuy nhiên cạnh tranh ngày càng gay gắt. Thép nhập khẩu giá rẻ cùng với một số dự án mới được đưa vào hoạt động khiến nguồn cung tăng, giá bán giảm mạnh do các nhà sản xuất muốn giành giật thị phần.

Thị trường thép xây dựng diễn biến phức tạp, cạnh tranh gay gắt hơn do nguồn cung tăng nhanh hơn tăng trưởng nhu cầu. Thiết bị công nghệ của Thép Thủ Đức nằm trong nhóm công nghệ thấp, nên gặp không ít khó khăn về giá thành sản phẩm so với thép giá rẻ trên thị trường, hạn chế năng lực cạnh tranh của Công ty.

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Công ty đã bám sát thị trường, quản trị sản xuất sâu sát, phát huy được những lợi thế trong sản xuất, duy trì được sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tăng trưởng trong tình hình giá bán theo xu hướng giảm, ổn định đời sống người lao động.



II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT - KINH DOANH - LỢI NHUẬN 2015

1. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu

1.1. Kết quả thực hiện năm 2015

- Chủ động sản xuất các mặt hàng, chủng loại mà Công ty có ưu thế, thúc đẩy tiêu thụ (sản xuất D10 và D12 với sản lượng 66.443 tấn, đạt 51,13% tổng sản lượng thép cán năm 2015), tăng cường sản xuất các loại phôi thép hợp kim thấp SD390, SS400 đáp ứng được nhu cầu của đối tác và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Phối hợp với Công ty Thép Miền Nam và khách hàng, nắm bắt thông tin thị trường, linh hoạt thay đổi cơ cấu sản phẩm thép cán đáp ứng tốt nhất nhu cầu thị trường. Xuất khẩu thép cán thông qua Thép Miền Nam hơn 7.000 tấn, doanh số đạt ~ 3 triệu USD phục vụ cho công tác nhập khẩu nguyên vật liệu, thiết bị.
- Chất lượng sản phẩm được kiểm tra nghiêm ngặt trước khi đưa ra thị trường. Tiếp thu nghiêm túc và giải quyết rõ ràng các thông tin phản ánh từ khách hàng, đã thỏa mãn phần nào nhu cầu thị trường.

* Kết quả sản xuất – kinh doanh năm 2015:

T T	Sản phẩm	ĐVT	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện Năm 2015	% so với kế hoạch	Năm 2015 so với năm 2014	
						Thực hiện 2014	% so 2014
I	Sản xuất						
	1 Phôi thép	tấn	150.000	155.791	103,86	153.314	101,61
	2 Thép cán	tấn	115.000	128.936	112,12	104.781	123,05
II	Tiêu thụ						
	- Thép cán	tấn	115.000	128.099	111,39	108.598	117,96
	- Phôi thép	tấn	30.000	24.447	81,49	44.885	54,46
III	Chỉ tiêu t/chính						
	- Doanh thu	tỷ. đ	1.620	1.585,372	97,86	1.864,815	85,01
	- Lợi nhuận (trước thuế)	tỷ. đ	12,82	55,018	429,16	15,275	360,18
	- Khấu hao	tỷ. đ	16,5	16,197	98,16	15,383	105,29
	- Nộp ngân sách	tỷ. đ		42,14	-	38,8	108,6

1.2. Đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2015

Sản xuất thép cán của Công ty đạt gần 130.000 tấn, tăng trưởng hơn 24% so với 2014, sản xuất phôi tăng 3,48 % so với năm 2014.

Nhận thấy nhu cầu tăng và có hiệu quả nên Công ty đã đẩy mạnh tiêu thụ thép cán. Sản lượng thép cán tiêu thụ năm 2015 tăng trưởng gần 18 % so với năm 2014.

Tình hình tiêu thụ phôi hiệu quả thấp nên năm 2015 Công ty đã hạn chế bán phôi. Sản lượng tiêu thụ sụt giảm, không đạt kế hoạch đề ra và sản lượng chỉ bằng 54,46% so với năm 2014.

Năm 2015, hiệu quả SXKD của Công ty có chuyển biến tích cực, lợi nhuận tăng cao, bằng 360,18 % so với năm 2014, trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt hơn, giá bán theo chiều hướng giảm sâu.

Để đạt được kết quả sản xuất kinh doanh như trên, Công ty đã duy trì tồn kho liệu thấp, xác định thời điểm mua hợp lý, tăng cường bán hàng trước xu hướng giá giảm.

III. THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2015

1. Công tác kỹ thuật, đầu tư

Quản lý tốt công tác kỹ thuật công nghệ. Thực hiện các chỉ tiêu tiêu hao chính đạt định mức. Đảm bảo chất lượng sản phẩm đạt chuẩn mực công bố và yêu cầu của khách hàng.

Nhờ cải tạo, nâng cấp lò nung phôi trung tần cán trực tiếp nên hoạt động ổn định hơn, hiệu quả được nâng cao.

Tổ chức tốt bảo dưỡng thiết bị định kỳ, không để xảy ra sự cố lớn ảnh hưởng sản xuất. Công tác an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp được thực hiện tốt, không để xảy ra tai nạn lao động nặng. Duy trì tốt phong trào “nhà máy công viên” tạo môi trường tốt hơn cho người lao động.

Công ty chỉ đầu tư, cải tạo một số công trình có tính cấp thiết như hệ thống điều khiển nấu luyện, máy đóng bó thép nhằm tăng hiệu quả sản xuất, đáp ứng tốt hơn nhu cầu thị trường.

2. Công tác kinh doanh, nguyên liệu

2.1. Về chuẩn bị vật tư nguyên liệu

Xác định đây là một trong những yếu tố quan trọng của 3 khâu: quản trị đầu vào, quản trị sản xuất, quản trị đầu ra (bán hàng). Công ty đã chú trọng bám sát thị trường nguyên liệu sắt thép vụn, từ đó có chính sách giá và thu mua hợp lý. Chú trọng nghiệm thu, loại bỏ tạp chất nghiêm ngặt tạo điều kiện cho sản xuất hiệu quả. Phối hợp với công nghệ để định hướng sử dụng liệu và mua liệu phù

hợp tăng hiệu quả sản xuất. Tính toán để có giá thành thấp nhất khi sử dụng liệu giá thấp mà vẫn đảm bảo chất lượng phôi.

- Các vật tư khác cho sản xuất như vật liệu chịu lửa, pherô hợp kim được lựa chọn, đánh giá nhà cung cấp để giảm chi phí sản xuất.
- Tồn kho vật tư thiết bị hợp lý cho từng thời kỳ, giảm chi phí tồn kho, tranh thủ được cơ hội, mua được liệu giá thích hợp, góp phần giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.

2.2. Công tác tiêu thụ

Đánh giá tình hình thị trường sát sao, đẩy mạnh tiêu thụ thép cán phù hợp, có hiệu quả, chỉ bán phôi tại thời điểm thích hợp.

Về tiêu thụ thép /V/ : Phôi hợp với Công ty Thép Miền Nam và khách hàng để nắm bắt thông tin, yêu cầu thay đổi cơ cấu sản phẩm thép cán, đáp ứng kịp thời yêu cầu của khách hàng, người tiêu dùng... Công ty tuân thủ các thỏa thuận hợp đồng tiêu thụ thép /V/ với Thép Miền Nam và cổ đông lớn - Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP.

3. Công tác tổ chức lao động

Xác định năng suất, chất lượng lao động là yếu tố quan trọng trong việc đảm bảo sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Vì vậy đã chú trọng đào tạo, tuyển dụng và tinh giản lao động. Trong năm giảm tuyệt đối 3 lao động, số lao động đầu năm là 401 người, số còn lại cuối năm 398 người. Chú trọng đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động, góp phần nâng cao năng suất, làm ra sản phẩm có chất lượng ổn định.

Đã ban hành lại, điều chỉnh quyết định thưởng phạt hệ số lương sản phẩm gắn với các chỉ tiêu tiêu hao nguyên vật liệu trong sản xuất phôi và thép cán mang lại hiệu quả tốt, khuyến khích người lao động hợp lý hóa trong sản xuất, giảm tiêu hao nguyên, nhiên vật liệu.

Thu nhập bình quân của CBCNV trong năm 10,8 triệu đồng/người/tháng, tăng 7 % so với năm 2014.

Duy trì và triển khai một cách tích cực trong thực hiện Chương trình kế hoạch phòng, chống tham nhũng và Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong công ty.



Duy trì thực hiện “Quy chế Dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc” theo 60/2013/NĐ-CP của Chính phủ đã tạo được sự đồng thuận, đoàn kết xây dựng Công ty.

Tổ chức ổn định đội ngũ, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, bổ xung nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của sản xuất kinh doanh.

Thực hiện đầy đủ quyền lợi theo chế độ cho người lao động thôi việc.

Mua bảo hiểm tai nạn 24/24 giờ cho toàn bộ CB CNV.

Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người lao động luôn được quan tâm, thực hiện khám sức khỏe định kỳ và khám bệnh nghề nghiệp cho CB.CNV.

4. Công tác Tài chính Kế toán

Xác định quản trị tài chính là rất quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty phối hợp với các Ngân hàng có quan hệ chiến lược với công ty để đảm bảo đủ nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh với mức lãi suất thấp thích hợp.

Định kỳ hàng tháng ước giá thành và hiệu quả để chủ động trong điều hành bán hàng và sản xuất để đảm bảo có hiệu quả.

Xây dựng kế hoạch tài chính, xác định nhu cầu vốn, đảm bảo đủ nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh.

Chấp hành nghiêm chỉnh chế độ quản lý vốn, chế độ thanh quyết toán.

Lập tổ quản lý rủi ro, tăng cường quản lý công nợ phát sinh, tránh rủi ro trong kinh doanh.

5. Hoạt động của các tổ chức đoàn thể

*** Hoạt động Công đoàn, phong trào thi đua**

Hoạt động của đoàn thể quần chúng được quan tâm thường xuyên. Tổ chức Công đoàn hoạt động tích cực, phát động các phong trào thi đua phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất, kinh doanh và nâng cao hiệu quả sản xuất, cùng chính quyền chăm lo tốt đời sống người lao động.

Công đoàn phối hợp với chính quyền thực hiện Nghị định 60/2013/NĐ-CP, ngày 19/6/2013 của Chính phủ về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc, tổ chức đối thoại định kỳ.

Công ty quan tâm triển khai thực hiện tốt công tác xã hội từ thiện, năm 2015 Công ty đóng góp 173 triệu đồng thực hiện công tác xã hội từ thiện tại địa



phương, nuôi dưỡng thương binh nặng và ủy hộ nhân ngày thương binh liệt sĩ 27/7, nạn nhân chất độc màu da cam. Vận động CB.CNV đóng góp ủng hộ những hoàn cảnh bệnh tật khó khăn và 01 ngày lương sản phẩm vào quỹ xã hội từ thiện của Tổng Công ty Thép Việt Nam.

*** Tổ chức đoàn thanh niên**

Đoàn thanh niên đẩy mạnh các hoạt động văn thể mỹ, đăng ký thực hiện sáng kiến, hợp lý hóa sản xuất, tham gia tích cực trong việc vận động và thực hiện phong trào xây dựng nhà máy công viên.

PHẦN THỨ II

CÔNG TÁC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ DI DỜI

Như đã trình bày ở các đại hội lần trước, Thép Thủ Đức muốn phát triển ổn định và bền vững thì phải có chiến lược và triển khai thực hiện tốt chiến lược đã định. Nằm trên tuyến đường Metro và cửa ngõ của thành phố vấn đề di dời và xây dựng nhà máy mới là rất quan trọng để tồn tại và phát triển Công ty.

1. Trong ngắn hạn:

Tiếp tục quản lý sử dụng có hiệu quả nguồn lực hiện có, phát huy năng lực sẵn có, có đầu tư cải tạo thích hợp để giảm chi phí và tăng năng lực cạnh tranh.

Hiện nay khâu quan trọng trong sản xuất kinh doanh là tiêu thụ sản phẩm. Phối hợp với Thép Miền Nam theo thỏa thuận hợp tác, sản xuất và đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm của Công ty trên cơ sở có hiệu quả.

Lấy mục tiêu lợi ích cổ đông song song với lợi ích của người lao động, CBCNV thì đưa sản xuất với hiệu quả cao để công ty có lợi nhuận và cải thiện thu nhập cho người lao động.

2. Trong dài hạn:

Tuy chưa có văn bản cụ thể về thời điểm phải di dời, nhưng với sự phát triển cơ sở hạ tầng của thành phố và tiến độ xây dựng tuyến mê – tro Bến Thành – Suối Tiên. Muốn tồn tại và phát triển, Thép Thủ Đức phải được di dời và xây dựng với quy mô lớn hơn, công nghệ tốt hơn và cạnh tranh hơn.

Với chức năng, quyền hạn và cơ chế quản lý hiện nay, HĐQT và ban tổng giám đốc đã làm những công việc cần thiết cho di dời.

2.1 Đã thực hiện qui hoạch 1/2000 vị trí đất hiện tại đang sử dụng trình cơ quan chức năng thành phố đã phê duyệt, có lợi thế khi di dời.

2.2 Lập phương án di dời từ tháng 12/2013 đã phối hợp với VNS xem xét phương án di dời (VNS chiếm 65 % vốn điều lệ).

Cập nhật cụ thể phương án di dời tháng 9/2015 với các nội dung chính:

- Qui mô công suất
- Địa điểm di dời
- Sử dụng lợi thế đất hiện tại khi di dời
- Nguồn vốn cho di dời nhà máy.

Hiện nay tiến hành từng phần hoặc toàn thể phương án di dời dựa trên cơ sở xem xét và quyết định của phần cổ đông nắm giữ vốn lớn nhất là VNS

PHẦN THỨ III

HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

- Hội Đồng Quản Trị hoạt động theo qui định của Điều lệ Công ty. Hàng quý họp xem xét đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh quý sau. Giao cho Ban điều hành tổ chức thực hiện và thể hiện được việc kiểm soát, đánh giá hoạt động của Công ty. Xác định các mục tiêu và biểu quyết các vấn đề lớn về đầu tư, phát triển cũng như định hướng sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Đánh giá kết quả SXKD 2015, phân chia lợi nhuận năm 2016 ..v...vv
- Đã chi thù lao Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông năm 2015 tổng cộng 78 triệu đồng.
- Hàng quý và kết thúc năm tài chính, Ban Kiểm soát thực hiện công tác kiểm soát hoạt động của Công ty, có kết luận, báo cáo gửi Hội đồng Quản trị xem xét.
- Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị đều mời Trưởng ban Kiểm soát tham gia góp ý kiến, đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh của công ty, giám sát công tác điều hành, triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, các Quy chế và Điều lệ của Công ty.

PHẦN THỨ IV

KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Ban Kiểm soát đã phối hợp với Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc kiểm soát việc điều hành, giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty. Đánh giá, báo cáo kiểm soát hàng quý.

1. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc điều hành



Trong năm qua Tổng giám đốc điều hành đã triển khai thực hiện nghiêm túc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2015 và các nghị quyết họp từng quý của Hội đồng Quản trị.

Trước tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt hơn, Ban điều hành Công ty đã đề ra nhiều quyết sách nên duy trì được sản xuất, kinh doanh có hiệu quả. Năm 2015 khi tiêu thụ phôi thép có hiệu quả thấp, đã chủ động đẩy mạnh tiêu thụ thép cán, đã đem lại lợi nhuận khá trong điều kiện cạnh tranh mạnh và xu hướng giá giảm, ổn định thu nhập của người lao động.

Tổng Giám đốc triển khai thực hiện rất ráo và đúng tiến độ các hạng mục công trình đầu tư cải tạo đã được Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị phê duyệt, sớm đưa vào sản xuất, phát huy được hiệu quả công tác đầu tư, giảm chi phí sản xuất, tăng năng lực cạnh tranh của Công ty.

Thực hiện tốt Quy chế quản trị công ty, các hoạt động tài chính minh bạch được cơ quan thuế và kiểm toán đánh giá tốt.

2. Kết quả giám sát đối với đội ngũ cán bộ quản lý

Đội ngũ cán bộ quản lý đoàn kết, năng động, có năng lực tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng được nhu cầu của sản xuất kinh doanh. Trường các đơn vị thực hiện tốt các Quy chế, Quy định không để xảy ra các sai phạm về công tác quản lý tài chính, các vị trí nhạy cảm đều được quan tâm kiểm soát, huy động tốt nguồn lực đẩy mạnh sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

Với chức trách, nhiệm vụ được giao, cán bộ quản lý tận tụy với nhiệm vụ của mình, gương mẫu, trung thực.

PHẦN THỨ V

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI THỊ TRƯỜNG

Tình hình thế giới diễn biến phức tạp. kinh tế thế giới đặc biệt kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm, dự báo tiềm ẩn nhiều rủi ro. Liên kết kinh tế qua các hiệp định thương mại được đẩy mạnh. Tranh giành ảnh hưởng giữa các nước lớn trong khu vực sẽ diễn ra quyết liệt hơn.

Triển vọng kinh tế năm 2016 có nhiều điểm sáng. Quốc hội đã thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội với những mục tiêu tăng trưởng GDP 6,7%, lạm phát dưới 5% , kinh tế vĩ mô ổn định tạo động lực gia tăng tổng cầu xã hội nhờ gia tăng đầu tư và tiêu dùng cá nhân.

Kinh tế nước ta tiếp tục hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, kinh tế khu vực đặt ra nhiều cơ hội nhưng cũng có nhiều thách thức khó khăn, đòi hỏi doanh nghiệp không ngừng đổi mới, tăng năng xuất lao động, giảm giá thành sản phẩm để tăng năng lực cạnh tranh.

Thị trường thép trong nước được dự báo có tăng trưởng. Tuy nhiên thuế quan bảo hộ ngành thép tiếp tục giảm, thép Trung Quốc giá rẻ vẫn còn nhiều khả năng tràn vào Việt Nam, cung tiếp tục cao hơn cầu do các nhà máy thép được đưa vào hoạt động trong năm 2015 sẽ phát huy công suất, giành giật thị phần bằng các chính sách giá, dịch vụ.

II. MỤC TIÊU SẢN XUẤT – KINH DOANH NĂM 2016

1. Mục tiêu tổng thể:

- Đảm bảo sản xuất kinh doanh có hiệu quả, giữ vững thị phần, ổn định thu nhập người lao động.
- Giảm hơn nữa tiêu hao nguyên nhiên liệu - năng lượng, giảm giá thành.
- Nâng cao hơn nữa năng suất, chất lượng sản phẩm. Nâng cao hiệu quả sản xuất, uy tín sản phẩm và năng lực cạnh tranh. Từng bước vững chắc đưa sản phẩm vào thị trường khu vực mới.

2. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất – kinh doanh chủ yếu:

*** Sản Xuất**

- Phôi thép: **160.000** tấn.
- Thép cán: **130.000** tấn.

*** Kinh doanh – lợi nhuận:**

- Tiêu thụ :
 - * **130.000** tấn thép cán.
 - * **25.000** tấn phôi.
- Lợi nhuận trước thuế : 25 tỷ đồng.
- Cổ tức: 6 %.

III. BIỆN PHÁP CHỦ YẾU QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH

1. Khai thác có hiệu quả các công trình đầu tư cải tạo đã thực hiện xong . Nâng cao hiệu xuất sử dụng thiết bị nhằm giảm hơn nữa tiêu hao nguyên, nhiên liệu trong sản xuất. Hoàn thành và đưa vào hoạt động ổn định chương trình đầu tư cải tạo hệ thống điều khiển nấu luyện.

2. Xây dựng giải pháp công nghệ nhằm nâng cao và ổn định chất lượng, tiết kiệm. Đẩy mạnh sản xuất đa dạng các mác thép và đảm bảo chất lượng sản phẩm giữ uy tín thương hiệu.
3. Hợp tác chặt chẽ với Thép Miền Nam trong việc đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm. Chú trọng đến hợp tác cùng có lợi trong hệ thống ngành thép.
4. Thực hiện tốt việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giảm giá thành, nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm của Công ty.
5. Theo dõi và đánh giá sát thị trường để có các giải pháp thích hợp để đẩy mạnh tiêu thụ. Chú trọng đến nguồn nguyên liệu (sắt thép vụn) để sản xuất phối đạt giá thành tối ưu.
6. Phát huy hiệu quả của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

IV. CHĂM LO ĐỜI SỐNG NGƯỜI LAO ĐỘNG

1. Cân đối và tổ chức lao động phù hợp với nhiệm vụ sản xuất – kinh doanh. Đảm bảo năng suất, hiệu quả và thu nhập của CBCNV.
2. Thực hiện tốt công tác an toàn, bảo hộ lao động, tiếp tục cải thiện điều kiện lao động, vệ sinh môi trường “Nhà máy - công viên”.
3. Làm tốt và đầy đủ công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho CBCNV.
4. Tổ chức và tham gia các hoạt động văn thể, phòng chống các tệ nạn xã hội. Tiếp tục đẩy mạnh chương trình kế hoạch phòng, chống tham nhũng, lãng phí.
5. Kiên trì phấn đấu giữ gìn môi trường trong Công ty xanh, sạch, đẹp.

V. CÔNG TÁC KHÁC

- Thực hiện chiến lược phát triển Thép Thủ Đức đến năm 2020, trong đó phát huy cơ sở hiện có; tiến hành nghiên cứu, xây dựng đề án đầu tư di dời và phát triển Công ty.
- Xem xét đầu tư ngắn hạn, hợp lý những hạng mục cần thiết để phát huy cơ sở sẵn có.
- Phối hợp với Ban Ngành thành phố chuyển mục đích sử dụng khu đất hiện tại khi có quy hoạch của thành phố để di dời.

Nơi nhận:

- Cổ đông
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hoàng Ngọc Cảnh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO
KIỂM SÓAT KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015
VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SÓAT

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;
- Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 02/4/2015;
- Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bởi Cty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC,

Thực hiện nhiệm vụ của năm 2015, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát và kết quả của hoạt động kiểm tra và giám sát như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SÓAT NĂM 2015

Trong năm 2015 Ban kiểm soát đã thường xuyên gặp gỡ, trao đổi, email để nắm bắt công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh nhằm tăng cường giám sát đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông.

Tham dự các cuộc họp sơ kết tháng, quý về sản xuất kinh doanh của Công ty để nắm bắt chủ trương, chính sách trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Phân tích báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh từng quý và cả năm của Công ty, qua đó lập các báo cáo của Ban kiểm soát hàng quý và năm.

Qua một năm hoạt động theo chức năng và nhiệm vụ được quy định trong điều lệ, Ban kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao.

II. KẾT QUẢ CỦA HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA VÀ GIÁM SÁT NĂM 2015

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015

8922
TY
AN
P
ỨC
HỒ C

(Đơn vị tính: đồng)

CHỈ TIÊU	Năm 2015	Năm 2014	+/-	%
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.585.372.952.672	1.864.815.132.197	-279.442.179.525	-14,98%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2.157.539.033	4.502.271.039	-2.344.732.006	-52,08%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.583.215.413.639	1.860.312.861.158	-277.097.447.519	-14,90%
4. Giá vốn hàng bán	1.470.821.783.851	1.783.572.820.605	-312.751.036.754	-17,54%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	112.393.629.788	76.740.040.553	35.653.589.235	46,46%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	4.668.658.262	2.981.369.546	1.687.288.716	56,59%
7. Chi phí tài chính	13.647.393.534	20.166.396.198	-6.519.002.664	-32,33%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	13.429.330.890	18.840.825.437	-5.411.494.547	-28,72%
8. Chi phí bán hàng	16.284.639.547	15.805.449.302	479.190.245	3,03%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31.802.098.072	29.036.749.949	2.765.348.123	9,52%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	55.328.156.897	14.712.814.650	40.615.342.247	276,05%
11. Thu nhập khác	325.974.210	907.872.693	-581.898.483	-64,09%
12. Chi phí khác	635.566.713	344.871.899	290.694.814	84,29%
13. Lợi nhuận khác	(309.592.503)	563.000.794	-872.593.297	154,99%
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	55.018.564.394	15.275.815.444	39.742.748.950	260,18%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	12.286.699.823	3.524.008.930	8.762.690.893	248,66%
17. Lợi nhuận sau thuế	42.731.864.571	11.751.806.514	30.980.058.057	263,62%

Năm 2015 Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức đạt mức lợi nhuận cao 55 tỷ đồng tăng 39,7 tỷ so với năm 2014, trong đó:

- Lợi nhuận gộp tăng đến 46,46%, do Công ty đã quyết định giá cả mua nguyên vật liệu từng thời điểm hợp lý, tránh tồn kho nhiều trong thời điểm giá bán liên tục giảm về những tháng cuối năm.
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 56,59% chủ yếu do thu lãi bán hàng trả chậm (năm 2014: 2,5 tỷ; năm 2015: 4,2 tỷ).
- Chi phí tài chính giảm 32,33% so với năm 2014 chủ yếu do lãi suất vay ngân hàng giảm, ngoài ra Công ty để tồn kho thành phẩm cũng như nguyên vật liệu hợp lý tránh tồn đọng vốn trong bối cảnh thị trường thép liên tục biến động.

Về sản xuất thép thương hiệu riêng Vkc, theo chỉ đạo của cổ đông lớn Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP từ quý III các công ty cổ phần tạm ngưng sản xuất thép thương hiệu riêng, ưu tiên đẩy mạnh sản xuất thép thương hiệu chữ V. Đến ngày 31/12/2015 Công ty Cổ

phần Thép Thủ Đức hiện còn tồn kho thép thương hiệu Vkc 154 tấn (tháng 01/2016 đã tiêu thụ hết).

Trong điều kiện kinh doanh cạnh tranh khốc liệt, Công ty đã thực hiện tốt chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí, tồn kho thấp khi thị trường giá thép đi xuống, tăng cường công tác quản lý nợ nhằm giảm thiểu chi phí lãi vay, tăng hiệu quả kinh doanh. Công ty cần chú ý ổn định công nghệ cán về barem sản phẩm, dự phòng thép bề phục vụ nhu cầu của khách hàng vào thời điểm hút hàng và lựa chọn thời điểm mua nguyên liệu đầu vào với giá cả phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

Trong năm 2015 tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật. Ban điều hành Công ty đã chủ động đề ra các giải pháp tích cực khắc phục khó khăn nhằm đẩy mạnh việc kinh doanh bán phôi thép và thép thành phẩm.

Kết thúc năm 2015, tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 55 tỷ đồng, tăng 260% so với năm 2014 và đạt 366,8% kế hoạch năm.

2. Về tình hình tài chính, kế toán của Công ty

Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty được lập đã tuân thủ đúng chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán Việt Nam, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán (AASC); Thực hiện hạch toán kế toán và lập các báo cáo tài chính hàng quý đầy đủ, rõ ràng đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp.

(Đơn vị tính: đồng)

TÀI SẢN	Số cuối năm	Số đầu năm	+ /-	%
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	312.119.645.374	345.107.133.434	-32.987.488.060	-9,56 %
I. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	113.863.240.466	126.240.120.069	-12.376.879.603	-9,80 %
1. Tiền	113.863.240.466	126.240.120.069	-12.376.879.603	-9,80 %
III. CÁC KHOẢN PHẢI THU	67.157.271.539	81.491.979.112	-14.334.707.573	-17,59 %
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	67.386.097.711	83.048.139.913	-15.662.042.202	-18,86 %
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.017.792.120	214.059.000	803.733.120	375,47 %
3. Phải thu ngắn hạn khác	749.301.718	40.574.409	708.727.309	1.746,73 %
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi(*)	(1.995.920.010)	(1.810.794.210)	-185.125.800	10,22 %
IV. HÀNG TỒN KHO	131.099.133.369	137.375.034.253	-6.275.900.884	-4,57 %
1. Hàng tồn kho	131.099.133.369	137.375.034.253	-6.275.900.884	-4,57 %
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	69.182.399.782	79.592.688.197	-10.410.288.415	-13,08 %
II. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	67.951.090.691	76.984.489.237	-9.033.398.546	-11,73 %
1. Tài sản cố định hữu hình	67.951.090.691	76.984.489.237	-9.033.398.546	-11,73 %
- Nguyên giá	292.893.549.074	286.445.539.981	6.448.009.093	2,25 %
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(224.942.458.383)	(209.461.050.744)	-15.481.407.639	7,39 %
IV. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN	1.231.309.091	2.608.198.960	-1.376.889.869	-52,79 %
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.231.309.091	2.608.198.960	-1.376.889.869	-52,79 %
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (A+ B)	381.302.045.156	424.699.821.631	-43.397.776.475	-10,22 %
NGUỒN VỐN	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	+ /-	%
A. NỢ PHẢI TRẢ	179.901.301.874	254.353.995.647	-74.452.693.773	-29,27 %
I. NỢ NGẮN HẠN	178.903.301.874	253.355.995.647	-74.452.693.773	-29,39 %

1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.421.975.675	14.263.424.359	2.158.551.316	15,13 %
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	7.161.464	220.853.680	-213.692.216	-96,76 %
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.107.236.661	6.805.111.310	-697.874.649	-10,26 %
4. Phải trả người lao động	10.991.293.207	19.762.500.200	-8.771.206.993	-44,38 %
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	4.467.628.937	4.093.996.987	373.631.950	9,13 %
6. Phải trả ngắn hạn khác	2.040.211.920	658.171.130	1.382.040.790	209,98 %
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	138.365.349.768	206.786.590.676	-68.421.240.908	-33,09 %
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	502.444.242	765.347.305	-262.903.063	-34,35 %
II. NỢ DÀI HẠN	998.000.000	998.000.000	0	
1. Phải trả dài hạn khác	998.000.000	998.000.000	0	
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	201.400.743.282	170.345.825.984	31.054.917.298	18,23 %
I. VỐN CHỦ SỞ HỮU	201.400.743.282	170.345.825.984	31.054.917.298	18,23 %
1. Vốn góp của chủ sở hữu	122.253.930.000	122.253.930.000	0	
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	122.253.930.000	122.253.930.000	0	
2. Thặng dư vốn cổ phần	17.708.334.281	17.708.334.281	0	
3. Quỹ đầu tư phát triển	18.706.614.430	17.739.342.555	967.271.875	5,45 %
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	42.731.864.571	12.644.219.148	30.087.645.423	237,96 %
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (A + B)	381.302.045.156	424.699.821.631	-43.397.776.475	-10,22 %

Nhận xét chung về tình hình tài chính đến thời điểm 31/12/2015:

* Tổng tài sản có đến 31/12/2015: 381,3 tỷ đồng giảm 10,22% so với đầu năm, trong đó:

– Tình hình quản lý công nợ phải thu:

Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng là 67,3 tỷ đồng giảm 18,86% so với đầu năm trong đó: Nợ luân chuyển 64 tỷ, chủ yếu của Cty TNHH MTV Thép Miền Nam – VNSTEEL (17,99 tỷ) và Cty TNHH Thép VINA KYOEI (38,8 tỷ), nợ luân chuyển này do chưa đến hạn thu; Nợ quá hạn 500 triệu; Nợ khó đòi 2,8 tỷ.

Công ty đã thu hồi công nợ của khách hàng được 15,6 tỷ đồng so với các khoản nợ phải thu tại thời điểm đầu năm. Công tác thu hồi các khoản nợ khó đòi gặp nhiều khó khăn do khách hàng mất khả năng thanh toán nên vẫn chưa xử lý dứt điểm.

Đến 31/12/2015 Công ty đã trích lập dự phòng nợ khó đòi 1,99 tỷ đồng.

– Hàng tồn kho (có đến 31/12/2015) 131 tỷ đồng giảm 4,57% so với đầu năm, trong đó chủ yếu:

Nguyên liệu chính (thép phế liệu): 27,966 tỷ đồng (6.935,18 tấn)

Bán thành phẩm (phôi thép): 7,696 tỷ đồng (1.079,247 tấn)

Thép thành phẩm : 61 tỷ đồng (6.947,995 tấn)

Chủ trương giảm tồn kho, nhằm giảm chi phí tài chính tại thời điểm này là phù hợp.

– Nguyên giá tài sản cố định tăng 6,4 tỷ đồng tăng 2,25% so với đầu năm do trong năm Công ty đầu tư mới một số hạng mục công trình đã đưa vào sử dụng và đem lại hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, gồm các hạng mục sau:

- Xe KAMAZ BEN 51C-63941 (giá trị đầu tư 1.275.517.818), tăng năng lực chuyên chở nguyên liệu cho Phân xưởng Luyện thép.
- Máy đóng bó thép (giá trị đầu tư 1.312.421.529) nhằm giảm chi phí sử dụng dây bó bằng thép tròn rẻ hơn đóng bó bằng đai thép và giảm nhân lực.

- Máy phay rãnh vằn (giá trị đầu tư 1.500.000.409), tăng năng lực phay rãnh trục cán cho phân xưởng cơ điện.

* Tổng nguồn vốn có đến 31/12/2015: 381,3 tỷ đồng giảm 10,22% so với đầu năm, trong đó:

- Vay ngắn hạn đến thời điểm 31/12/2015 là 138,36 tỷ đồng chiếm 36,2% trên tổng nguồn vốn và chiếm 36% trên tổng hạn mức tín dụng ngân hàng
- Tiền thuế phát sinh cuối năm phải thanh toán 6,1 tỷ chủ yếu là thuế GTGT phải nộp trong tháng 12/2015 và thuế TNDN quý 4/2015. Trong năm Công ty đã nộp đủ các khoản thuế cho Nhà nước, cũng như trả lương đầy đủ cho CBCNV trong Cty.

3. Đánh giá về hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2015

Năm 2015, Hội đồng Quản trị đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, triển khai và thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng Quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Hội đồng Quản trị tham gia các cuộc họp về sản xuất kinh doanh của Công ty, đã có những hoạt động tích cực, hiệu quả cùng Ban điều hành đưa ra những định hướng giải quyết kịp thời nhu cầu sản xuất kinh doanh, mang lại hiệu quả tốt trong kinh doanh, luôn đảm bảo hài hòa lợi ích của cổ đông và ổn định đời sống người lao động.

4. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc trong năm 2015

Cùng với Ban Điều hành, Tổng Giám Đốc Công ty đã triển khai thực hiện đầy đủ và kịp thời các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị và Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông. Triển khai thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015, lập kế hoạch quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh sát với tình hình thực tế của thị trường, phát huy hiệu quả nguồn lực của Công ty.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty đều tay trong các công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty, tận tâm với công việc, năng nổ đoàn kết, thường xuyên quan tâm đến tâm tư nguyện vọng của người lao động. Tạo được sự đồng thuận cao trong vận hành của bộ máy quản lý.

5. Đánh giá hoàn thành kế hoạch

	ĐVT	Kế hoạch 2015	Thực hiện		So sánh	
			2014	2015	TH/KH 2015	+/- 2015/ 2014
Sản xuất						
- Phôi thép	tấn	150.000	153.314	155.791	103,8%	1,62%
- Thép cán	tấn	115.000	104.781	128.936	112,1%	23%
Tiêu thụ						
- Phôi thép	tấn	30.000	44.885	24.447	81,49%	-45,5%
- Thép cán	tấn	115.000	108.597	128.099	111,4%	17,9%
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	15	15,27	55,02	366,8%	260%

Đánh giá chung trong năm 2015, trước sự cạnh tranh gay gắt và sự biến động phức tạp của thị trường thép xây dựng, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, tổ chức kinh doanh có lãi vượt với kế hoạch đã đề ra, đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

III. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2016

Ban kiểm soát tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ qui định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Thực hiện công tác thẩm định các báo cáo về tài chính, về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2016.

Chủ động nghiên cứu, nâng cao nghiệp vụ kiểm tra và giám sát nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát, kính trình Hội đồng Quản trị xem xét.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng Ban



Đoàn Hồng Hà

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(đã được kiểm toán)



Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức

KM số 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, thành
phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05-33
Bảng cân đối kế toán	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-33

Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức

KM số 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức,
thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức được chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Thép Thủ Đức theo Quyết định số 2254/QĐ-BCN ngày 29 tháng 6 năm 2007 của Bộ Công nghiệp và Quyết định số 642/QĐ-TCLĐ ngày 21 tháng 9 năm 2007 của Tổng Công ty Thép Việt Nam về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Thép Thủ Đức thành Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008922 ngày 29 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần 2 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 0305409326 ngày 08 tháng 05 năm 2015.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: KM số 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Ngọc Oanh	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 02 tháng 04 năm 2015)
Ông Phan Văn Trúc	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 02 tháng 04 năm 2015)
Ông Nguyễn Phùng Hiền	Thành viên	
Ông Trịnh Chính Sinh	Thành viên	
Ông Lê Khắc Thành	Thành viên	
Ông Cao Anh Kiệt	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 02 tháng 04 năm 2015)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Phùng Hiền	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 02 tháng 04 năm 2015)
Ông Hoàng Ngọc Oanh	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 02 tháng 04 năm 2015)
Ông Cao Anh Kiệt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Dương Minh Chính	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 27 tháng 05 năm 2015)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đoàn Hồng Hà	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 02 tháng 04 năm 2015)
Bà Đỗ Thị Long Châu	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 02 tháng 04 năm 2015)
Ông Huỳnh Văn Phúc	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Hồng Minh	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức

KM số 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức,
thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Nguyễn Phùng Hiền

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức được lập ngày 25 tháng 01 năm 2016, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Quốc Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0285-2013-002-1

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2016



Trần Trung Hiếu

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		312.119.645.374	345.107.133.434
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	113.863.240.466	126.240.120.069
111	1. Tiền		113.863.240.466	126.240.120.069
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		67.157.271.539	81.491.979.112
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	67.386.097.711	83.048.139.913
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.017.792.120	214.059.000
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	5	749.301.718	40.574.409
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.995.920.010)	(1.810.794.210)
140	IV. Hàng tồn kho	7	131.099.133.369	137.375.034.253
141	1. Hàng tồn kho		131.099.133.369	137.375.034.253
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		69.182.399.782	79.592.688.197
220	II. Tài sản cố định		67.951.090.691	76.984.489.237
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	67.951.090.691	76.984.489.237
222	- Nguyên giá		292.893.549.074	286.445.539.981
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(224.942.458.383)	(209.461.050.744)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	8	1.231.309.091	2.608.198.960
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.231.309.091	2.608.198.960
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		381.302.045.156	424.699.821.631

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		179.901.301.874	254.353.995.647
310	I. Nợ ngắn hạn		178.903.301.874	253.355.995.647
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	16.421.975.675	14.263.424.359
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		7.161.464	220.853.680
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	6.107.236.661	6.805.111.310
314	4. Phải trả người lao động		10.991.293.207	19.762.500.200
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	4.467.628.937	4.093.996.987
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	14	2.040.211.920	658.171.130
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	10	138.365.349.768	206.786.590.676
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		502.444.242	765.347.305
330	II. Nợ dài hạn		998.000.000	998.000.000
337	7. Phải trả dài hạn khác	14	998.000.000	998.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		201.400.743.282	170.345.825.984
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	201.400.743.282	170.345.825.984
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		122.253.930.000	122.253.930.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		122.253.930.000	122.253.930.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.708.334.281	17.708.334.281
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		18.706.614.430	17.739.342.555
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		42.731.864.571	12.644.219.148
421a	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		-	892.412.634
421b	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		42.731.864.571	11.751.806.514
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		381.302.045.156	424.699.821.631

Nguyễn Anh Kha
Người lập

Đỗ Thị Long Châu
Kế toán trưởng

Nguyễn Phùng Hiền
Tổng Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01
năm 2016



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

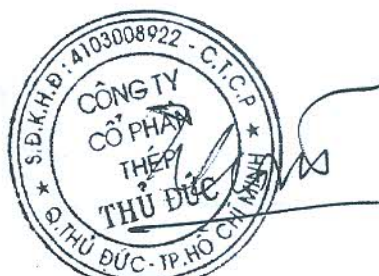
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	1.585.372.952.672	1.864.815.132.197
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18	2.157.539.033	4.502.271.039
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.583.215.413.639	1.860.312.861.158
11	4. Giá vốn hàng bán	19	1.470.821.783.851	1.783.572.820.605
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		112.393.629.788	76.740.040.553
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	4.668.658.262	2.981.369.546
22	7. Chi phí tài chính	21	13.647.393.534	20.166.396.198
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		13.429.330.890	18.840.825.437
24	8. Chi phí bán hàng	22	16.284.639.547	15.805.449.302
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	31.802.098.072	29.036.749.949
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		55.328.156.897	14.712.814.650
31	11. Thu nhập khác	24	325.974.210	907.872.693
32	12. Chi phí khác	25	635.566.713	344.871.899
40	13. Lợi nhuận khác		(309.592.503)	563.000.794
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		55.018.564.394	15.275.815.444
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	12.286.699.823	3.524.008.930
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		42.731.864.571	11.751.806.514
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	3.041	961



Nguyễn Anh Kha
Người lập



Đỗ Thị Long Châu
Kế toán trưởng



Nguyễn Phùng Hiền
Tổng Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01
năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		55.018.564.394	15.275.815.444
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		16.197.739.009	15.383.222.906
03	- Các khoản dự phòng		185.125.800	1.810.794.210
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	49.515.885
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(466.467.237)	(901.385.179)
06	- Chi phí lãi vay		13.429.330.890	18.840.825.437
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		84.364.292.856	50.458.788.703
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		14.191.342.791	98.282.986.141
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		6.275.900.884	102.670.820.960
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(5.785.088.750)	(31.024.492.355)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		-	1.710.784.605
14	- Tiền lãi vay đã trả		(13.236.197.875)	(18.869.492.416)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(12.463.293.890)	(1.269.384.615)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		200.000	398.592.021
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.159.735.936)	(1.096.230.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		71.187.420.080	201.262.373.044
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(6.000.894.384)	(11.307.410.145)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		285.673.000	839.893.800
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		352.477.009	331.302.870
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.362.744.375)	(10.136.213.475)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền thu từ đi vay		1.060.263.067.146	1.484.790.830.135
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(1.128.684.308.054)	(1.578.520.569.385)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(9.780.314.400)	(6.112.696.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(78.201.555.308)	(99.842.435.750)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(12.376.879.603)	91.283.723.819

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		126.240.120.069	34.963.803.837
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(7.407.587)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	113.863.240.466	126.240.120.069







Nguyễn Anh Kha

Đỗ Thị Long Châu
Kế toán trưởng

Nguyễn Phùng Hiền

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01
năm 2016



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức được chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Thép Thủ Đức theo Quyết định số 2254/QĐ-BCN ngày 29 tháng 6 năm 2007 của Bộ Công nghiệp và Quyết định số 642/QĐ-TCLĐ ngày 21 tháng 9 năm 2007 của Tổng Công ty Thép Việt Nam về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Thép Thủ Đức thành Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008922 ngày 29 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần 2 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 0305409326 ngày 08 tháng 05 năm 2015.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: KM số 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 122.253.900.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 122.253.930.000 đồng; tương đương 12.225.393 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, kinh doanh sắt, thép, gang.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất sắt, thép, gang.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng;
- Sản xuất hoá chất cơ bản. Chi tiết: Sản xuất oxy, argon dạng khí và lỏng;
- Bán buôn kinh doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Kinh doanh oxy, ni tơ, argon dạng khí và dạng lỏng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá. Chi tiết: Dịch vụ cho thuê kho bãi, nhà xưởng;

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 33.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chỉ phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 12	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 08	năm

2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.12 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

2.16 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	197.670.493	202.458.230
Tiền gửi ngân hàng	113.665.569.973	126.037.661.839
	113.863.240.466	126.240.120.069

4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSteel	17.995.426.735	13.087.180.909
- Công ty Cổ phần Thép Tây Đô	-	38.466.390.575
- Công ty TNHH Thép An Hưng Tường	-	12.122.447.700
- Công ty TNHH Thép Vina Kyoel	38.861.889.880	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	10.528.781.096	19.372.120.729
	67.386.097.711	83.048.139.913
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	67.386.097.711	83.048.139.913
	67.386.097.711	83.048.139.913
c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	57.357.512.415	54.040.547.074
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)		

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND		VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	41.761.018	-	-	-
Tạm ứng	32.867.700	-	25.100.400	-
Phải thu tiền thuế TNCN	662.813.000	-	2.973.009	-
Phải thu khác	11.860.000	-	12.501.000	-
	749.301.718	-	40.574.409	-

6 . NỢ XẤU

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	2.851.314.300	855.394.290	3.401.510.100	1.590.715.890
Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ Lợi My 2	2.851.314.300	855.394.290	2.851.314.300	1.425.657.150
Các khoản khác	-	-	550.195.800	165.058.740
	<u>2.851.314.300</u>	<u>855.394.290</u>	<u>3.401.510.100</u>	<u>1.590.715.890</u>

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	61.812.194.524	-	56.399.976.057	-
Công cụ, dụng cụ	333.616.698	-	306.546.206	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.901.356.649	-	21.342.557.717	-
Thành phẩm	61.051.965.498	-	41.869.639.702	-
Hàng gửi đi bán	-	-	17.456.314.571	-
	<u>131.099.133.369</u>	<u>-</u>	<u>137.375.034.253</u>	<u>-</u>

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Xây dựng cơ bản dở dang	1.231.309.091	1.090.909.091
Quy hoạch dự án xây dựng nhà máy Thép Thủ Đức	1.090.909.091	1.090.909.091
Lập phương án di dời và nâng cấp thiết bị	140.400.000	-
- Mua sắm tài sản cố định	-	1.517.289.869
Lò nung trung gian phân xướng cán	-	1.517.289.869
	<u>1.231.309.091</u>	<u>2.608.198.960</u>

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	40.365.474.348	213.026.735.998	29.295.810.969	3.757.518.666	286.445.539.981
- Mua trong năm	1.772.554.628	2.812.421.938	1.275.517.818	-	5.860.494.384
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	1.517.289.869	-	-	1.517.289.869
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(76.000.000)	(853.775.160)	(929.775.160)
Số dư cuối năm	42.138.028.976	217.356.447.805	30.495.328.787	2.903.743.506	292.893.549.074
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	31.186.039.448	153.941.430.876	21.906.519.726	2.427.060.694	209.461.050.744
- Khấu hao trong năm	1.966.906.676	11.552.342.948	2.454.115.954	224.373.431	16.197.739.009
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(76.000.000)	(640.331.370)	(716.331.370)
Số dư cuối năm	33.152.946.124	165.493.773.824	24.284.635.680	2.011.102.755	224.942.458.383
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	9.179.434.900	59.085.305.122	7.389.291.243	1.330.457.972	76.984.489.237
Tại ngày cuối năm	8.985.082.852	51.862.673.981	6.210.693.107	892.640.751	67.951.090.691

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 73.371.159.624 VND

Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức

KM số 9 Xã Lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Vật liệu chịu lửa Thái Nguyên	-	-	1.119.387.720	1.119.387.720
- Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ tận Tái Hưng Phát	794.835.459	794.835.459	1.549.646.366	1.549.646.366
- Chi Nhánh Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội	4.748.180.580	4.748.180.580	-	-
- Công Ty Cổ phần Kim khí thành phố Hồ Chí Minh	72.783.043	72.783.043	1.852.681.600	1.852.681.600
- Công ty TNHH Thép Tiên Phong	-	-	1.499.355.000	1.499.355.000
- Arezen Technology Inc	-	-	1.739.156.250	1.739.156.250
- Phải trả các đối tượng khác	10.806.176.593	10.806.176.593	6.503.197.423	6.503.197.423
	16.421.975.675	16.421.975.675	14.263.424.359	14.263.424.359
b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán				
- Phải trả người bán ngắn hạn	16.421.975.675	16.421.975.675	14.263.424.359	14.263.424.359
	16.421.975.675	16.421.975.675	14.263.424.359	14.263.424.359
c) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)	6.441.443.253	6.441.443.253	3.433.747.000	3.433.747.000

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		3.019.724.744		22.153.080.947		23.194.139.094		-		1.978.666.597	
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-		-		1.039.302.063		1.039.302.063		-		-	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		3.420.821.291		12.286.699.823		12.463.293.890		-		3.244.227.224	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		242.408.275		1.763.814.740		1.244.037.175		-		762.185.840	
Thuế Tài nguyên	-		1.476.000		17.712.000		17.712.000		-		1.476.000	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		120.681.000		4.179.184.264		4.179.184.264		-		120.681.000	
Các loại thuế khác	-		-		3.000.000		3.000.000		-		-	
	-		6.805.111.310		41.442.793.837		42.140.668.486		-		6.107.236.661	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	439.571.661	246.438.646
- Trích trước tiền điện, tiền nước, tiền điện thoại...	4.028.057.276	3.772.558.341
- Chi phí phải trả khác	-	75.000.000
	4.467.628.937	4.093.996.987

14 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	186.019.188	153.601.719
- Bảo hiểm xã hội	699.048.720	-
- Bảo hiểm y tế	98.387.876	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	46.680.500	-
- Quỹ ủng hộ, từ thiện	224.433.692	171.789.000
- Phí quản lý thương hiệu thép chữ "V"	776.188.728	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.453.216	332.780.411
	2.040.211.920	658.171.130
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	998.000.000	998.000.000
	998.000.000	998.000.000

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	122.253.930.000	17.708.334.281	12.677.997.545	5.061.345.010	7.959.986.264	165.661.593.100
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	11.751.806.514	11.751.806.514
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(848.863.526)	(848.863.526)
Trích lập quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	(106.013.604)	(106.013.604)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(6.112.696.500)	(6.112.696.500)
Số dư cuối năm trước	122.253.930.000	17.708.334.281	12.677.997.545	5.061.345.010	12.644.219.148	170.345.825.984
Số dư đầu năm nay	122.253.930.000	17.708.334.281	17.739.342.555	-	12.644.219.148	170.345.825.984
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	42.731.864.571	42.731.864.571
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	967.271.875	-	(967.271.875)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.643.748.490)	(1.643.748.490)
Trích lập quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	(252.884.383)	(252.884.383)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(9.780.314.400)	(9.780.314.400)
Số dư cuối năm nay	122.253.930.000	17.708.334.281	18.706.614.430	-	42.731.864.571	201.400.743.282

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 1017/NQ-VKC ngày 02 tháng 04 năm 2015, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00	12.644.219.148
Trích Quỹ đầu tư phát triển	7,65	967.271.875
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13,00	1.643.748.490
Trích lập quỹ khen thưởng Ban điều hành	2,00	252.884.383
Chi trả cổ tức (bằng 8% vốn điều lệ)	77,35	9.780.314.400
(tương ứng mỗi cổ phần nhận 800 đ)		

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	31/12/2015	Tỷ lệ	01/01/2015
	(%)	VND	(%)	VND
Vốn góp của Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	65,00	79.465.100.000	65,00	79.465.100.000
Vốn góp của Công ty Cổ phần Đại lý Liên hiệp	10,90	13.322.950.000	10,90	13.322.950.000
Vốn góp của các cổ đông khác	24,10	29.465.880.000	24,10	29.465.880.000
	<u>100,00</u>	<u>122.253.930.000</u>	<u>100,00</u>	<u>122.253.930.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	122.253.930.000	122.253.930.000
- Vốn góp đầu năm	122.253.930.000	122.253.930.000
- Vốn góp cuối năm	122.253.930.000	122.253.930.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.780.314.400	6.112.696.500
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	9.780.314.400	6.112.696.500

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.225.393	12.225.393
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.225.393	12.225.393
- Cổ phiếu phổ thông	12.225.393	12.225.393
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.225.393	12.225.393
- Cổ phiếu phổ thông	12.225.393	12.225.393
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

e) Các quỹ công ty

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	18.706.614.430	17.739.342.555
	<u>18.706.614.430</u>	<u>17.739.342.555</u>

16 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Tài sản nhận giữ hộ

	31/12/2015	01/01/2015
	Số lượng	Số lượng
	KG	KG
	Giá trị	Giá trị
	VND	VND
- Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ:		
Vật tư, công cụ dụng cụ	-	2.191.764.077

b) Ngoại tệ các loại

	Ký hiệu	31/12/2015	01/01/2015
	USD	1.686,83	380.746,23

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1.561.555.247.972	1.863.654.384.197
Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.817.704.700	1.160.748.000
	1.585.372.952.672	1.864.815.132.197
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)	1.178.421.217.166	1.595.724.565.116

18 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	1.597.966.933	-
Hàng bán bị trả lại	559.572.100	4.502.271.039
	2.157.539.033	4.502.271.039

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	1.445.104.537.573	1.782.704.677.654
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	25.717.246.278	868.142.951
	1.470.821.783.851	1.783.572.820.605

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	394.238.027	331.302.870
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	4.216.845.469	2.576.802.808
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	57.574.766	73.263.868
	4.668.658.262	2.981.369.546

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	13.429.330.890	18.840.825.437
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	556.556.109
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	218.062.644	719.498.767
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	49.515.885
	13.647.393.534	20.166.396.198

22 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.497.211.394	13.934.163.151
Chi phí khác bằng tiền	6.787.428.153	1.871.286.151
	16.284.639.547	15.805.449.302

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.159.987.295	1.868.908.001
Chi phí nhân công	15.274.024.685	14.686.422.778
Chi phí khấu hao tài sản cố định	994.143.666	1.229.215.865
Thuế, phí, lệ phí	4.340.035.996	1.671.775.420
Chi phí dự phòng	185.125.800	2.589.808.885
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.395.513.028	5.179.824.790
Chi phí khác bằng tiền	6.453.267.602	1.810.794.210
	31.802.098.072	29.036.749.949

24 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	72.229.210	839.893.800
Thu nhập từ vật tư thu hồi do thanh lý	58.095.000	-
Thu nhập từ thanh lý CCDC	195.650.000	-
Thu nhập khác	-	67.978.893
	325.974.210	907.872.693

25 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	269.811.491
Truy thu thuế GTGT, thuế TNCN	35.372.762	20.559.450
Các khoản bị phạt vi phạm hành chính	600.193.942	54.500.958
Chi phí khác	9	-
	635.566.713	344.871.899

26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	55.018.564.394	15.275.815.444
Các khoản điều chỉnh tăng	781.337.913	304.831.632
- Chi phí phạt vi phạm hành chính	600.193.942	54.500.958
- Chi phí truy thu thuế TNCN, GTGT	35.372.762	20.559.450
- Chi phí khấu hao vượt định mức	40.771.209	40.771.224
- Thù lao HĐQT không tham gia điều hành	105.000.000	189.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(706.575.706)	(350.105.625)
- Trích trước chi phí kiểm toán, lãi vay	(321.438.646)	(350.105.625)
- Thu nhập do hoàn nhập dự phòng	(385.137.060)	-
Thu nhập tính thuế TNDN	55.093.326.601	15.230.541.451
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)	12.120.531.852	3.350.719.119
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay	166.167.971	173.289.811
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	3.420.821.291	1.166.196.976
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(12.463.293.890)	(1.269.384.615)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	3.244.227.224	3.420.821.291

27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	42.731.864.571	11.751.806.514
Các khoản điều chỉnh	(5.555.142.394)	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế	(5.555.142.394)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	37.176.722.177	11.751.806.514
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.225.393	12.225.393
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.041	961

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Năm 2015, theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC số dự tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại ra khi tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.203.154.816.216	1.504.696.373.820
Chi phí nhân công	74.771.011.665	71.780.222.880
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.197.739.009	15.383.222.906
Chi phí dịch vụ mua ngoài	206.180.134.113	182.547.926.126
Chi phí khác bằng tiền	24.345.945.195	13.747.918.524
	1.524.649.646.198	1.788.155.664.259

29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	113.863.240.466	-	126.240.120.069	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	68.135.399.429	(1.995.920.010)	83.088.714.322	(1.810.794.210)
	<u>181.998.639.895</u>	<u>(1.995.920.010)</u>	<u>209.328.834.391</u>	<u>(1.810.794.210)</u>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	138.365.349.768	206.786.590.676
Phải trả người bán, phải trả khác	19.460.187.595	15.919.595.489
Chi phí phải trả	4.467.628.937	4.093.996.987
	<u>162.293.166.300</u>	<u>226.800.183.152</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản trương đương tiền	113.863.240.466	-	-	113.863.240.466
Phải thu khách hàng, phải thu khác	66.139.479.419	-	-	66.139.479.419
	180.002.719.885	-	-	180.002.719.885
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản trương đương tiền	126.240.120.069	-	-	126.240.120.069
Phải thu khách hàng, phải thu khác	81.277.920.112	-	-	81.277.920.112
	207.518.040.181	-	-	207.518.040.181

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2015				
Vay và nợ	138.365.349.768	-	-	138.365.349.768
Phải trả người bán, phải trả khác	18.462.187.595	-	998.000.000	19.460.187.595
Chi phí phải trả	4.467.628.937	-	-	4.467.628.937
	161.295.166.300	-	998.000.000	162.293.166.300
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	206.786.590.676	-	-	206.786.590.676
Phải trả người bán, phải trả khác	14.921.595.489	-	998.000.000	15.919.595.489
Chi phí phải trả	4.093.996.987	-	-	4.093.996.987
	225.802.183.152	-	998.000.000	226.800.183.152

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	1.060.263.067.146	1.484.790.830.135

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	1.128.684.308.054	1.578.520.569.385

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất thép và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	976.007.538.296	473.463.039.630
Công ty KD thép & Dịch vụ VNSteel Long An	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	-	365.990.800
Chi nhánh Miền Trung - Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	-	23.347.017.270
Chi nhánh Miền Tây - Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	-	303.396.451.700
Chi nhánh TP Hồ Chí Minh - Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	-	179.164.425.040
Chi nhánh Đà Nẵng - Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	-	2.352.271.300
Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	Cùng Công ty mẹ	1.539.506.400	7.322.134.240
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	Cùng Công ty mẹ	27.444.652.000	35.091.985.586

	Mối quan hệ	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (tiếp theo)			
Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa	Cùng Công ty mẹ	8.500.000	22.680.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Miền Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ	195.166.370	4.438.114.700
Công ty TNHH Thép Vinakyoei	Công ty liên kết của Công ty mẹ	166.025.443.700	445.971.507.100
Công ty TNHH Thép Tây Đô	Công ty liên kết của Công ty mẹ	-	120.788.947.750
Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội	Cùng Công ty mẹ	7.200.410.400	-
Lãi bán hàng trả chậm			
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	-	405.921.043
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	3.857.164.772	1.001.016.695
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	Cùng Công ty mẹ	-	335.745.133
Công ty TNHH Thép Tây Đô	Công ty liên kết của Công ty mẹ	260.444.010	832.030.626
Mua nguyên vật liệu, dịch vụ			
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	2.290.004.244	9.234.913.659
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VN STEEL	Cùng Công ty mẹ	122.584.000	693.500.000
Khách sạn Phương Nam	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	-	16.154.545
Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa	Cùng Công ty mẹ	9.293.455.200	296.458.800
Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội	Cùng Công ty mẹ	63.695.073.800	32.706.411.000
Công ty Cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh	Cùng Công ty mẹ	29.874.182.278	225.268.466.498
Công ty TNHH Vật liệu chịu lửa Nam Ưng	Công ty liên kết của Công ty mẹ	4.182.720.000	3.999.250.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	Công ty liên kết của Công ty mẹ	6.414.673.000	6.312.110.000
Công ty Cổ phần Tân Thành Mỹ	Công ty liên kết của Công ty mẹ	6.846.803.700	7.183.955.800
Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	Công ty liên kết của Công ty mẹ	226.663.200	157.595.200
Công ty TNHH Nipponvina	Công ty liên kết của Công ty mẹ	-	97.287.000
Công ty TNHH Thép Tây Đô	Công ty liên kết của Công ty mẹ	-	39.874.534.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Miền Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ	-	50.000.000
Chi phí lãi chậm thanh toán			
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	-	346.236.764
Công ty Cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh	Cùng Công ty mẹ	-	210.319.345
Phí sử dụng thương hiệu chữ "V"			
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	-	5.960.000
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VN STEEL	Cùng Công ty mẹ	6.689.900.880	-

	Mối quan hệ	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thanh lý tài sản cố định			
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	Cùng Công ty mẹ	285.673.000	-
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:			
	Mối quan hệ	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn			
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	17.995.426.735	13.087.180.909
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	Cùng Công ty mẹ	-	583.000.000
Công ty TNHH Thép Vinakyoei	Công ty liên kết của Công ty mẹ	38.861.889.880	-
Công ty TNHH Thép Tây Đô	Công ty liên kết của Công ty mẹ	-	38.466.390.575
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Miền Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ	500.195.800	1.903.975.590
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
Công ty Tư vấn và Thiết kế Luyện kim	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	-	61.776.000
Phải thu ngắn hạn khác			
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	41.761.018	-
Phải trả người bán ngắn hạn			
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	-	5.960.000
Công ty Cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh	Cùng Công ty mẹ	72.783.043	1.852.681.600
Công ty TNHH Vật liệu chịu lửa Nam Ưng	Công ty liên kết của Công ty mẹ	601.854.000	407.319.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	Công ty liên kết của Công ty mẹ	332.384.800	482.896.700
Công ty Cổ phần Tân Thành Mỹ	Công ty liên kết của Công ty mẹ	686.240.830	684.889.700
Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội	Cùng Công ty mẹ	4.748.180.580	-
Phải trả ngắn hạn khác			
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	776.188.728	5.960.000
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
		Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị		4.126.133.000	2.704.419.000

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC	
Mã số	Khoản mục	Số tiền	Thay đổi
a) Bảng cân đối kế toán			
131	Phải thu của khách hàng	83.048.139.913	83.048.139.913
132	Trả trước cho người bán	214.059.000	214.059.000
135	Các khoản phải thu khác	15.474.009	40.574.409
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.810.794.210)	(1.810.794.210)
158	Tài sản ngắn hạn khác	25.100.400	25.100.400
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.608.198.960	2.608.198.960
311	Vay và nợ ngắn hạn	206.786.590.676	206.786.590.676
312	Phải trả người bán	14.263.424.359	14.263.424.359
313	Người mua trả tiền trước	220.853.680	220.853.680
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.805.111.310	6.805.111.310
315	Phải trả người lao động	19.762.500.200	19.762.500.200
316	Chi phí phải trả	4.093.996.987	4.093.996.987
319	Các khoản phải trả, phải nộp khác	658.171.130	658.171.130
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	765.347.305	765.347.305
333	Phải trả dài hạn khác	998.000.000	998.000.000
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	122.253.930.000	122.253.930.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	122.253.930.000	122.253.930.000

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mã số	Khoản mục	Số tiền
417	Quỹ đầu tư phát triển	12.677.997.545
418	Quỹ dự phòng tài chính	5.061.345.010
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	12.644.219.148
24	b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
25	Chi phí bán hàng	15.805.449.302
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	29.036.749.949
33	c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	1.484.790.830.135
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.578.520.569.385)

Nguyễn Anh Kha
Người lập

Nguyễn Anh Kha

Đỗ Thị Long Châu
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Long Châu

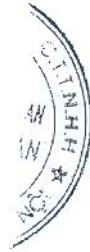
Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số	Khoản mục	Số tiền	Thay đổi
418	Quỹ đầu tư phát triển	17.739.342.555	(5.061.345.010)
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	12.644.219.148	5.061.345.010
421a	LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	892.412.634	-
421b	LNST chưa phân phối năm nay	11.751.806.514	-
25	b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		
25	Chi phí bán hàng	15.805.449.302	-
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	29.036.749.949	-
33	c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ		
33	Tiền thu từ đi vay	1.484.790.830.135	-
34	Tiền trả nợ gốc vay	(1.578.520.569.385)	-



Nguyễn Phùng Hiền
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01
năm 2016



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4 năm 2016

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
V/v GIAO QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN**

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 02/4/2015, giao quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán. Năm 2015 Hội đồng Quản trị lựa chọn **Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AACS** làm đơn vị kiểm toán độc lập.

Trong năm qua Kiểm toán viên đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các qui định về đạo đức nghề nghiệp. Công tác kiểm toán năm 2015 đã được tiến hành đầy đủ theo qui định của pháp luật, được phản ánh cụ thể trong thư quản lý của Công ty kiểm toán, đi kèm báo cáo kiểm toán.

Căn cứ vào Điều lệ của Công ty, Hội đồng Quản trị đề nghị Đại hội đồng Cổ đông xem xét biểu quyết giao quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2016.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hoàng Ngọc Oanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2016

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG QUYẾT TOÁN
THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN KIỂM SOÁT
NĂM 2015**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2015 về mức thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức trong Năm 2014, Hội đồng Quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt quyết toán thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức trong Năm 2015 như sau:

1. Mức thù lao được Đại hội đồng cổ đông năm 2015 thông qua:

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị: 5.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên Hội đồng Quản trị và Trưởng Ban kiểm soát: 4.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên Ban kiểm soát, công ty: 2.500.000 đồng/tháng.
- Thư ký công ty: 3.000.000 đồng/tháng.

2. Mức thù lao năm 2015:

Năm 2015 Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức có 01 thành viên Hội đồng Quản trị và 01 thành viên Ban kiểm soát công ty không trả lương hàng tháng.

Mức thù lao công ty trả cho 02 người năm 2015:

$(4.000.000 \text{ đồng} + 2.500.000 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng}) = 78.00.000 \text{ đồng}$

Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm Soát được trả vào cuối mỗi quý.

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *lu7*

Hoàng Ngọc Oanh

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016**

Căn cứ vào dự báo tình hình kinh tế xã hội của đất nước và nhu cầu thép xây dựng của thị trường, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2016 như sau:

1. Về sản xuất:

- Sản Xuất phôi thép: 160.000 tấn.
- Sản xuất thép cán: 130.000 tấn.

2. Về kinh doanh:

- Tiêu thụ thép cán: 130.000 tấn.
- Tiêu thụ phôi thép: 25.000 tấn.

3. Về lợi nhuận trước thuế: 25 tỷ đồng.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Hoàng Ngọc Oanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4 năm 2016

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN KIỂM SOÁT**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Thép thủ Đức.
- Căn cứ vào Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2016.

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức trình Đại hội đồng Cổ đông mức thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức trong Năm 2016 như sau:

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị: 5.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên Hội đồng Quản trị và Trưởng Ban kiểm soát: 4.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên Ban kiểm soát: 2.500.000 đồng/tháng.
- Thư ký công ty: 3.000.000 đồng/tháng.

Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm Soát được trả vào cuối mỗi quý của năm.

Đối với nhân sự tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát làm việc trực tiếp tại Công ty, được Công ty trả lương hàng tháng thì không hưởng thù lao chức trách kiêm nhiệm.

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hoàng Ngọc Oanh

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC

TỜ TRÌNH CHIA LỢI NHUẬN 2015

Căn cứ kết quả báo cáo tài chính năm 2015, HĐQT Công ty Cổ Phần Thép Thủ Đức đề nghị Đại hội đồng Cổ đông xem xét phương án chia lãi như sau:

1. Kết quả đạt được

Tổng lợi nhuận trước thuế	55,018,564,394
Tổng lợi nhuận sau thuế được chia	42,731,864,571
Tổng số vốn điều lệ	122,253,930,000

2. Kết quả chia lợi nhuận

Lợi nhuận để lại chưa phân phối 50%	21,365,932,286
Tổng lợi nhuận sau thuế còn lại được chia	21,365,932,286

STT	NỘI DUNG PHÂN PHỐI LN	SỐ TIỀN	TỶ LỆ %/LNPP	TỶ LỆ %/VĐL
1	Chia lãi cổ phần	17,115,550,200	80.11%	14%
2	Quỹ đầu tư phát triển	1,045,492,242	4.89%	
3	Quỹ khen thưởng	1,388,785,599	6.50%	
4	Quỹ phúc lợi	1,388,785,599	6.50%	
5	Quỹ thưởng HĐQT, ban KS, thư ký, ban điều hành Công ty	427,318,646	2.00%	
	Tổng cộng	21,365,932,286	100%	

Ngày 17 tháng 03 năm 2016
T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT
THÉP
CỔ PHẦN
THỦ ĐỨC
Hoàng Ngọc Oanh

TỜ TRÌNH DỰ KIẾN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 2016

Căn cứ kế hoạch tài chính năm 2016, HĐQT Công ty Cổ Phần Thép Thủ Đức đề nghị Đại hội đồng Cổ đông xem xét phương án chia lãi như sau:

1. Kế hoạch lợi nhuận

TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

25,000,000,000

TỔNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ

19,500,000,000

Tổng số vốn điều lệ

122,253,930,000

2. Dự kiến chia lợi nhuận

STT	NỘI DUNG PHÂN PHỐI LN	SỐ TIỀN	TỶ LỆ %/LNPP	TỶ LỆ %/VĐL
1	Quỹ dự phòng tài chính	0	0.00%	
2	Quỹ đầu tư phát triển	681,989,100	3.50%	
3	Quỹ phúc lợi	1,267,500,000	6.50%	
4	Quỹ khen thưởng	1,267,500,000	6.50%	
5	Quỹ thưởng HĐQT, ban KS, thư ký, ban điều hành Công ty	390,000,000	2.00%	
6	Chia lãi cổ phần	15,893,010,900	81.50%	13%
7	Lợi nhuận để lại chưa phân phối		0.00%	
	Tổng cộng	19,500,000,000	100%	

Ngày 17 tháng 03 năm 2016

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chức tích HĐQT



Hoàng Ngọc Oanh

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ TRÌNH
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2016

Số TT	HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	Xuất xứ	Chi phí đầu tư (Tr đồng)	Hiệu quả dự kiến đạt được	Tỷ lệ quay vòng vốn	Thời gian dự kiến thực hiện	Ghi chú
1	MÁY CẮT THUYẾT LỰC CHO THỜI NÓNG	TQ	2,000	-Máy cắt Oxy-gas hiện nay nhược điểm còn tồn tại là bề mặt cắt luôn luôn tạo ra phần bavaria xỉ cắt của thép trong quá trình cắt dính vào bề mặt dưới của thoi, ảnh hưởng đến lò nung, gây tiêu hao thời, gas và Oxy trong quá trình cắt. - Đầu tư máy cắt phôi bằng thủy lực: khắc phục các hạn chế và tiết kiệm tiêu hao phôi. Ước hiệu quả đạt 1 tỷ đồng/ năm	20 tháng	Tháng 6/2016	
2	XE ĐÀO 0.9M3	EU/HQ	3,000	-Việc xử lý xỉ luyện thép và chế biến liệu của Phân xưởng luyện hiện nay rất quan trọng, tình trạng các xe đào xỉ CAT 240 và HITACHI đều xuống cấp. Đầu tư mua mới 01 xe đào (0.9m3) thay thế cho các xe trên.	24 tháng	Tháng 6/2016	
3	CẢI TẠO SẢN NGUỘI PHÂN XUỐNG CÁN	ĐÀI LOAN	4,500	- Sản nguội của PXC hiện nay thường gây sự cố ảnh hưởng đến sản xuất, với thiết kế ban đầu chỉ dùng cho thép nhỏ và tốc độ cán chậm. Công suất cán hiện nay đã tăng cao hơn nhiều do đó cần phải đầu tư lắp mới lại cụm nhận thép vào sản nguội. Khi đó khắc phục các nhược điểm và hiệu quả của việc phối hợp cán thời nóng giữa cán và luyện cũng nâng lên đáp ứng yêu cầu cần thiết hiện nay.	24 tháng	Tháng 9/2016	
	TỔNG		9,500				

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2016

KH. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC

Hoàng Ngọc Oanh

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2016

I. Các chỉ tiêu chính về kết quả và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm trước		Kế hoạch năm 2016	Tỷ lệ KH/TH năm trước (%)
			Kế hoạch	Thực hiện		
1	Sản lượng sản xuất	Tấn				
	- Phôi		150,000	155,791	160,000	103%
	- Thép cán		115,000	128,936	130,000	101%
2	Sản lượng tiêu thụ	-nt-				
	- Phôi		30,000	24,447	25,000	102%
	- Thép cán		115,000	128,099	130,000	101%
3	Doanh thu bán hàng và CCDV	Tr.đ	1,620,000	1,583,215	1,345,000	85%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	-nt-	2,000	4,668	4,800	103%
5	Giá vốn	-nt-	1,535,180	1,470,822	1,259,800	86%
6	Chi phí bán hàng	-nt-	15,000	16,285	15,000	92%
7	Chi phí quản lý	-nt-	39,000	31,802	35,000	110%
8	Chi phí tài chính	-nt-	20,000	13,647	15,000	110%
9	Lợi nhuận trước thuế	-nt-	12,820	55,018	25,000	45%
10	Thuế TNDN	-nt-	2,820	12,287	5,500	45%
11	Lợi nhuận sau thuế	-nt-	10,000	42,731	19,500	46%
12	Lợi nhuận cơ bản/cổ phiếu	Tr.đ	0.0008	0.0035	0.0016	46%
13	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH (ROE)	%	5.9%	21.2%	10.0%	47%
14	Cổ tức, lợi nhuận chi trả cho chủ sở hữu	Tr.đ	7,335	17,116	15,893	93%
15	Vốn lưu động sử dụng bình quân (dự trữ nguyên vật liệu, hàng hóa, công nợ, phi hàng hóa (tiền, công cụ lao động,...))	Tr. đ	390,000	390,000	400,000	103%
16	Vòng quay vốn lưu động/năm	Vòng	4.2	4.1	3.4	83%

II. Nhu cầu vốn lưu động năm kế hoạch 2016 (Triệu đồng)

1	Doanh thu	1,349,800
2	Lợi nhuận sau thuế	19,500
3	Chi phí khấu hao TSCĐ	16,121
4		
	Tổng nguồn vốn CSH có tại ngày 31/12/2015	201,400
5	Tổng dư nợ vay dài hạn tại ngày 31/12/2015	998
6	Tổng tài sản dài hạn có tại ngày 31/12/2015	69,182

7	Vốn CSH của Công ty còn lại tại ngày 31/12/2015 ((4)+(5)-(6))	133,216
8	Tổng nhu cầu vốn bình quân cần thiết năm kế hoạch	400,000
	Trong đó:	
8.1	Nhu cầu vốn lưu động ngắn hạn bình quân cần cho hoạt động sản xuất kinh doanh	400,000
8.2	Nhu cầu vốn trung dài hạn cần cho hoạt động đầu tư XD CB	
9	Vốn Cty còn thiếu phải bù đắp thêm(=(8)-(7))	266,784
	Trong đó:	
9.1	Vốn ngắn hạn	266,784
9.2	Vốn trung dài hạn	
10	Các phương án bổ sung vốn, trong đó:	
10.1	Vay tổ chức tín dụng	266,784
	Vay ngắn hạn:	266,784
	Vay trung dài hạn:	
10.2	Vốn vay khác, phát hành trái phiếu, các hình thức huy động vốn khác	
11	Hạn mức tín dụng (ngắn hạn, trung dài hạn) đã ký với các tổ chức tín dụng	400,000
	Ngân hàng Công thương VN	200,000
	Ngân hàng Đầu tư và phát triển VN	150,000
	Ngân hàng VN Thịnh Vượng	50,000

Tp Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4 năm 2016

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH

Hoàng Ngọc Oanh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4 năm 2016

**THẺ LỆ BẦU CỬ
BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT****1. Mục tiêu:**

- Đảm bảo tuân thủ luật pháp và các thông lệ tại Việt Nam;
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông; đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của Đại hội đồng cổ đông.

2. Nguyên tắc bầu cử bổ sung Ban Kiểm soát:

- Danh sách ứng cử viên bổ sung vào Ban Kiểm soát được hình thành theo nguyên tắc sau: Dựa trên đơn đề cử, ứng cử của các cổ đông, Ban tổ chức đại hội sẽ lựa chọn ứng cử viên Ban Kiểm soát đáp ứng đủ các tiêu chuẩn quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.
- Cổ đông lựa chọn 01 trong số các ứng cử viên Ban Kiểm soát. Cổ đông giữ nguyên tên của ứng cử viên được lựa chọn và gạch lên cả họ và tên của ứng cử viên không chọn.
- Mỗi cổ đông tham gia họp được phát một phiếu bầu bổ sung Ban Kiểm soát cho toàn bộ số cổ phần sở hữu và được ủy quyền.
- Phiếu bầu hợp lệ là các phiếu bầu theo mẫu in sẵn của Ban bầu cử phát hành, không được tẩy xóa, cạo, sửa.
- Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu ghi thêm tên người khác vào danh sách.

3. Nguyên tắc lựa chọn ứng cử viên trúng cử bổ sung vào BKS:

Số phiếu bầu được tính theo mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần đại diện. Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu, phải có số phiếu bầu tối thiểu bằng 65% tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ.

4. Hiệu lực thi hành:

- Thẻ lệ bầu cử này được đọc trước Đại hội đồng cổ đông và lấy ý kiến biểu quyết của các cổ đông trước khi tiến hành bầu cử.
- Nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ từ 65% trở lên sẽ có hiệu lực thi hành bắt buộc đối với tất cả cổ đông.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *lun*
Chủ tịch

Hoàng Ngọc Oanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

TP. HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2016

ĐƠN XIN TỪ CHỨC
ỦY VIÊN BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC

Tôi tên: Huỳnh Văn Phúc hiện là ủy viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức nhiệm kỳ 2013 – 2018.

Căn cứ Luật doanh nghiệp, Nay theo yêu cầu công tác của cá nhân và công văn số 247/VNS-TCNS ngày 04 tháng 03 năm 2016 của Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP về việc cử cán bộ tham gia Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức, tôi làm đơn này xin được thôi đảm nhiệm chức ủy viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức từ ngày 05/04/2016 .

Trân trọng cảm ơn.

Người làm đơn



Huỳnh Văn Phúc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

TP. HCM, ngày 01 tháng 4 năm 2016

ĐƠN ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC
NHIỆM KỲ 2013 - 2018

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC

Tôi tên: Nguyễn Minh Sơn
Sinh ngày 19 tháng 02 năm 1962 Nơi sinh: Hà Nội
CMND số: 020732397 Ngày cấp: 28/02/2002 Nơi cấp: TP. HCM
Địa chỉ thường trú: Số 198 Đường Thành Thái – P.12 – Q.10 – TP. HCM
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - công nghiệp
Hiện đang đại diện sở hữu: 2.200 cổ phần
(Hai ngàn hai trăm cổ phần)
của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức.

Đề nghị Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức cho tôi được ứng cử vào Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức nhiệm kỳ 2013 – 2018 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức năm 2016 được tổ chức vào ngày 05 tháng 04 năm 2016.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Ban Kiểm soát, tôi sẽ đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

Trân trọng cảm ơn.

Người viết đơn



Nguyễn Minh Sơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

TP. HCM, ngày 01 tháng 4 năm 2016

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Người ứng cử để bầu bổ sung vào BKS Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức)

1. Họ tên: NGUYỄN MINH SƠN Giới tính: Nam
2. Ngày sinh: 19/02/1962 Quốc tịch: Việt Nam
3. CMND số: 020732397 Ngày cấp: 28/02/2002 Nơi cấp: TP. HCM
4. Địa chỉ thường trú: Số 198 Đường Thành Thái – P.12 – Q.10 – TP. HCM
5. Số điện thoại liên lạc: 0903715463
6. Trình độ văn hóa: 12/12
7. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - công nghiệp

Họ tên	Bằng cấp chuyên ngành	Năm tốt nghiệp	Thời gian đào tạo	Cơ sở đào tạo
Nguyễn Minh Sơn	Kinh tế công nghiệp	1986	4 năm	Trường Đại Học Kinh Tế TP. HCM

8. Quá trình công tác

Năm	Đơn vị công tác	Ghi chú
3/1987 – 12/2007	Chuyên viên thống kê tổng hợp – Nhà máy Thép Thủ Đức – Cty Thép Miền Nam	
01/2008 - nay	Chuyên viên kế hoạch kinh doanh Cty Cổ phần Thép Thủ Đức	

9. Số lượng cổ phiếu được ủy quyền: 2200 cổ phiếu

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người khai



Nguyễn Minh Sơn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐƠN XIN THÔI ĐẠI DIỆN VỐN CỦA
TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC**

Kính gửi : - ông **Đặng Thúc Kháng** – chủ tịch HĐQT Tổng Công Ty Thép VN
- Ban Lãnh Đạo Công ty Thép VN

Tôi là : **Hoàng Ngọc Oanh**, hiện là Chủ tịch HĐQT công ty Cổ Phần Thép Thủ Đức.

Theo quyết định số 100/QĐ-TTCT ngày 25.3.2015, tôi được HĐQT Tổng Công ty Thép VN cử đại diện% vốn tại Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức.

Nay tôi đã gần đến ngày nghỉ hưu theo chế độ (20/6/2016), vì vậy tôi xin thôi đại diện vốn tại Công ty Thép Thủ Đức, và ứng với đó là xin miễn nhiệm thành viên HĐQT tại Thép Thủ Đức.

Kính mong Hội đồng quản trị và Lãnh đạo tổng Công ty thép Việt Nam xem xét và chấp thuận.

Trân trọng cảm ơn.

TP Hồ Chí Minh, Ngày 28/01/2016

Người làm đơn



Hoàng Ngọc Oanh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 4 năm 2016

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
VỀ KẾT QUẢ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-VNS ngày 26 /02/2016 của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP (cổ đông nắm giữ 65% vốn điều lệ của công ty), về việc ông Hoàng Ngọc Oanh thôi đại diện vốn của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP tại Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức và đơn xin từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của ông Hoàng Ngọc Oanh.

- Căn cứ Quyết định số 37/QĐ-VNS ngày 26/02/2016 của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP về việc ủy quyền đại diện vốn của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP tại Công ty cổ phần Thép Thủ Đức nhiệm kỳ 2013 - 2018 cho ông Dương Minh Chính phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức và đề cử ông Dương Minh Chính tham gia Hội đồng Quản trị, giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức nhiệm kỳ 2013-2018.

- Căn cứ khoản 5 điều 24, Điều lệ Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức “Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó”.

Vào hồi 8h00' ngày 05 tháng 4 năm 2016, tại văn phòng Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức Hội đồng quản trị đã họp quyết nghị các nội dung sau:

1. Chấp thuận đơn xin từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2013-2018 của Ông Hoàng Ngọc Oanh.
2. Bổ nhiệm ông Dương Minh Chính - chức vụ phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức, là đại diện vốn của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP tại Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức vào thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức nhiệm kỳ 2013-2018.

Căn cứ vào Điều lệ của Công ty, Hội đồng Quản trị đề nghị Đại hội đồng Cổ đông xem xét biểu quyết, chấp thuận bổ nhiệm ông Dương Minh Chính làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức nhiệm kỳ 2013-2018.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH 

Hoàng Ngọc Oanh

Số 559^a/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2016

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

“V/v Thay đổi tên Công ty”

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

Căn cứ vào Công văn của Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP số 94/VNS-KHTT về việc triển khai Quy chế quản lý và sử dụng Hệ thống Nhãn hiệu của Tổng Công ty-CTCP thống nhất việc quản lý và sử dụng nhãn hiệu VNSTEEL nhằm tăng cường khả năng liên kết hệ thống, quảng bá sâu rộng hình ảnh, nâng cao giá trị thương hiệu và sức cạnh tranh trên toàn hệ thống Tổng công ty. Kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD) chấp thuận việc thay đổi tên Công ty như sau:

- Tên Công ty viết bằng Tiếng Việt dự kiến thay đổi:
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC-VNSTEEL
- Tên Công ty viết bằng tiếng quốc tế dự kiến thay đổi:
“VNSTEEL – THU DUC STEEL JOINT STOCK COMPANY”
- Tên giao dịch: VIKIMCO
- Tên Công ty viết tắt: VKC

Về thời điểm quyết định thay đổi giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi tên Công ty. Hội đồng quản trị đề nghị ĐHĐCD chấp thuận giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty xác nhận thời điểm thích hợp và thay mặt ĐHĐCD ban hành quyết định thay đổi tên Công ty nhưng không quá 12 tháng, kể từ ngày ĐHĐCD thông qua.

HĐQT kính đề nghị ĐHĐCD thông qua việc sửa đổi điều lệ tại khoản 1 Điều 2 Điều lệ hiện hành Công ty để phù hợp việc thay đổi nêu trên và giao cho người có chức năng hoàn thiện các thủ tục xin cấp Giấy phép kinh doanh mới.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu văn thư.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Hoàng Ngọc Oanh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4 năm 2016

TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi Điều lệ Công ty

Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần Thép Thủ Đức được Đại hội đồng cổ đông họp ngày 04 tháng 4 năm 2013 thông qua gồm 21 chương, 52 điều.

Ngày 26 tháng 11 năm 2014 Quốc hội thông qua Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) số 68/2014/QH13 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.

Thực hiện Luật Doanh nghiệp nói trên Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua bản dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ cục gồm 21 chương, 52 điều cho phù hợp với pháp luật hiện hành cụ thể như sau:

Stt	Nội dung cũ	Nội dung mới	Ghi chú
01	Điều 1: Khoản 1, Điểm b: “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2005.	Điều 1: Khoản 1, Điểm b: “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.	
02	Điều 2: Khoản 1. Tên Công ty Tên tiếng Việt: “CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC”. Tên tiếng Anh: “THU DUC STEEL JOINT STOCK COMPANY”	Điều 2: Khoản 1. Tên Công ty Tên tiếng Việt: “CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC - VNSTEEL”. Tên tiếng Anh: “VNSTEEL - THU DUC STEEL JOINT STOCK COMPANY”	
03	Mục 4: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	Mục 4: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.	
04	Điều 5: Khoản 6: Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.	Bỏ khoản này.	
05	Điều 11: Khoản 3, Điểm b: Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp.	Điều 11: Khoản 3, Điểm b: Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp. Thêm Khoản 4 (quyền của cổ đông): Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 1% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng	

		quản trị, Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 161 luật doanh nghiệp:	
06	Điều 13: Khoản 3, điểm c: Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn Khoản 3, Điểm e: Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo điều Điều 119 Luật Doanh nghiệp.	Điều 13: Khoản 3, điểm c: Khi số thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát ít hơn Khoản 3, Điểm e: Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo điều Điều 160 Luật Doanh nghiệp.	
07	Điều 13: Khoản 4, Điểm b: Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.	Điều 13: Khoản 4, Điểm b: Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.	
08	Điều 13: Khoản 4, Điểm c: Cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.	Điều 13: Khoản 4, Điểm c: Cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.	
09	Điều 14: Khoản 2, Điểm h: Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập.	Điều 14: Khoản 2, Điểm h: Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần.	
10	Điều 14: Khoản 2, Điểm m: Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.	Điều 14: Khoản 2, Điểm m: Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.	
11	Điều 14: Khoản 2, Điểm p: Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.	Điều 14: Khoản 2, Điểm p: Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.	
	Điều 17: Khoản 3: Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất (15) ngày trước ngày họp Đại hội	Điều 17: Khoản 3: Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ	

12	đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).	đồng, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).	
13	Điều 18: Khoản 1: Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.	Điều 18: Khoản 1: Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.	
14	Điều 18: Khoản 1: Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.	Điều 18: Khoản 1: Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.	
15	Điều 20: Khoản 1: Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.	Điều 20: Khoản 1: Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.	
16	Điều 20: Khoản 2: Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).	Điều 20: Khoản 2: Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).	
17	Điều 21: Khoản 8: Quyết định được thông qua theo hình thức lấy phiếu ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Điều 21: Khoản 8: Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông	

18	Điều 23: Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây.	Điều 23: Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên liên tục ít nhất 06 tháng có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây.	
19	Điều 25: Khoản 3, Điểm i: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác, người đại diện của Công ty.	Điều 25: Khoản 3, Điểm i: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, người đại diện của Công ty.	
20	Điều 25: Khoản 4, Điểm c: Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 108 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.	Điều 25: Khoản 4, Điểm c: Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp.	
21	Điều 26: Khoản 1: Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quy định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm Tổng giám đốc điều hành của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.	Điều 26: Khoản 1: Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quy định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm Tổng giám đốc điều hành của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và theo quy định tại Khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp.	
22	Điều 27: Khoản 4: Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp.	Điều 27: Khoản 4: Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp.	
23	Điều 27: Khoản 7: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp.	Điều 27: Khoản 7: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày trước khi tổ chức họp.	
24	Điều 27: Khoản 8: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền). Trường hợp không đủ số thành viên	Điều 27: Khoản 8: Cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền). Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải	

	dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất.	được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất.	
25	Điều 29: Khoản 1: Cán bộ quản lý phải có sự khẩn cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.	Điều 29: Khoản 1: Cán bộ quản lý là những người giữ các chức vụ từ phó phòng, phó quản đốc và chức vụ tương đương trở lên. Cán bộ quản lý phải có sự khẩn cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.	
26	Điều 30: Khoản 2: Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm.	Điều 30: Khoản 2: Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm.	
27	Điều 30: Khoản 3, Điểm c: Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý.	Điều 30: Khoản 3, Điểm c: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, quyết định mức lương, các lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động của cán bộ quản lý, trừ các đối tượng quy định tại Điều 28 của điều lệ này.	
28	Điều 32: Khoản 1: Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.	Điều 32: Khoản 1: Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Kiểm soát viên không được giữ các chức vụ quản lý Công ty.	
29	Điều 33: Khoản 1: Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.	Điều 33: Khoản 1: Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165, 166, 168 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.	

Trên đây là một số nội dung sửa đổi Điều lệ, đề nghị Đại hội nghiên cứu, xem xét bản dự thảo sửa đổi đã gửi tới cổ đông và cho ý kiến thông qua Điều lệ sửa đổi cho phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành.



Hoàng Ngọc Oanh

Số 612/BB-VKC

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tại trụ sở Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức.

Địa chỉ : Km số 9 – Xa Lộ Hà Nội – P. Trường Thọ – Q. Thủ Đức – TP. HCM.

Thời gian họp: Vào hồi 8h 00” ngày 05/4/2016.

Chúng tôi gồm 5 người có tên dưới đây là những người được Đại Hội Đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức bầu chọn là thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ 2013-2018:

- | | |
|-------------------------|--------------------------|
| 1. Ông Ngọc Oanh | 4. Ông Lê Khắc Thành |
| 2. Ông Trịnh Chính Sinh | 5. Ông Nguyễn Phùng Hiền |
| 3. Ông Cao Anh Kiệt | |

Người triệu tập và chủ tọa phiên họp: Ông Hoàng Ngọc Oanh - Chủ tịch HĐQT Công ty Thép Thủ Đức. thư ký: Ông Nguyễn Phùng Hiền

Nội dung cuộc họp:

1. Xem xét đơn xin từ nhiệm chức Chủ tịch HĐQT của ông Hoàng Ngọc Oanh. Sau khi nghe ông Hoàng Ngọc Oanh trình bày đơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT.

Các thành viên HĐQT biểu quyết 5/5 nhất trí ông Hoàng Ngọc Oanh từ nhiệm thành viên HĐQT từ ngày 06 tháng 04 năm 2016.

2. Căn cứ Khoản, 4 Điều 24, Điều lệ Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức và căn cứ Quyết định số 37/QĐ-VNS ngày 26/02/2016 của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP về việc cử ông Dương Minh Chính làm đại diện vốn của Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP tại Công ty cổ phần Thép Thủ Đức. Hội đồng Quản trị tiến hành bầu, bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị mới thay thế ông Oanh từ ngày 05 tháng 4 năm 2016.

Kết quả: Ông Dương Minh Chính được bầu, bổ nhiệm là thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức với sự nhất trí 5/5 thành viên HĐQT, tương ứng tỷ lệ (100%) đồng ý.

Phiên họp Hội đồng Quản trị kết thúc lúc 8h 20” ngày 05/4/2016. Nội dung cơ bản đã được thông qua với sự nhất trí 5/5 thành viên (100%).

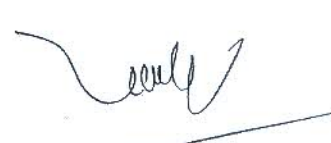
Chữ ký các thành viên:

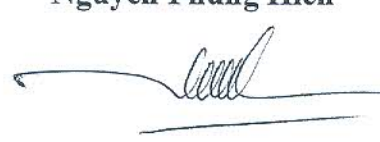

CHỦ TỌA
Hoàng Ngọc Oanh

THƯ KÝ


Nguyễn Phùng Hiền


Cao Anh Kiệt


Trịnh Chính Sinh


Lê Khắc Thành

Số 613 /BB-VKC

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tại trụ sở Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức.

Địa chỉ : Km số 9 – Xa Lộ Hà Nội – P. Trường Thọ – Q. Thủ Đức – TP. HCM.

Thời gian họp: Vào hồi 10 giờ 00 ngày 05/4/2016.

Chúng tôi gồm 5 người có tên dưới đây là những người được Đại Hội Đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức bầu chọn là thành viên Hội đồng Quản trị (HDQT) nhiệm kỳ 2013-2018:

- | | |
|-------------------------|--------------------------|
| 1. Ông Dương Minh Chính | 4. Ông Lê Khắc Thành |
| 2. Ông Trịnh Chính Sinh | 5. Ông Nguyễn Phùng Hiền |
| 3. Ông Cao Anh Kiệt | |

Người triệu tập và chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Phùng Hiền - Ủy viên HDQT, Tổng giám đốc Công ty Thép Thủ Đức, thư ký: Ông Lê Khắc Thành.

Nội dung cuộc họp:

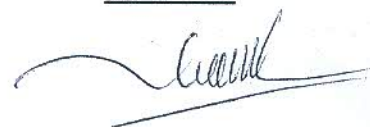
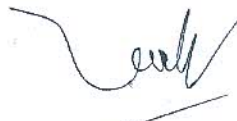
Bầu Chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ ngày 05 tháng 4 năm 2016.

Hội nghị nhất trí giới thiệu đề cử Ông Dương Minh Chính vào danh sách bầu chức Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty.

Kết quả bầu: Ông Dương Minh Chính được bầu giữ chức chủ tịch HDQT Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức với sự nhất trí 5/5 thành viên HDQT, tương ứng tỷ lệ (100%) đồng ý.

Phiên họp Hội đồng Quản trị kết thúc lúc 10 giờ 50 ngày 05/4/2016.

Chữ ký các thành viên:

**Dương Minh Chính****Nguyễn Phùng Hiền****CHỦ TỌA****THƯ KÝ****Lê Khắc Thành****Cao Anh Kiệt****Trịnh Chính Sinh**

Số: 617/BB - VKC

BIÊN BẢN HỌP**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016**

Hôm nay vào hồi 08h30 ngày 05/04/2016 tại hội trường Công ty cổ phần Thép Thủ Đức, km 9, xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh; đã diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty cổ phần Thép Thủ Đức.

PHẦN I. KHAI MẠC ĐẠI HỘI.

Ông: Lê Khắc Thành, tổ chức chào cờ, tuyên bố khai mạc đại hội và giới thiệu khách mời tham dự đại hội.

Ông: Lê Khắc Thành, trình bày Quy chế làm việc và biểu quyết của Đại hội.

Đại hội nhất trí tán thành 100%.

- Đại hội tiến hành bầu chủ tịch đoàn, thư ký đại hội và ban kiểm tra tư cách cổ đông:

- Chủ tịch đoàn gồm:

1/ Ông:	Hoàng Ngọc Oanh	– Chủ tịch HĐQT
2/ Ông:	Trịnh Chính Sinh	– Thành viên HĐQT
3/ Ông:	Nguyễn Phùng Hiền	– Thành viên HĐQT

- Thư ký Đại hội gồm:

1/ Ông:	Bùi Phương Nam
2/ Ông:	Nguyễn Văn Vĩnh

- Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm:

1/ Ông:	Dương Minh Chính
2/ Ông:	Phạm Văn Trân

Đại hội thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%.

- Ông: Dương Minh Chính; Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự đại hội:

- Tổng số cổ phần của Công ty: 12.225.393 ứng với số vốn điều lệ là: 122.253.930.000 đồng của 526 cổ đông.
- Tổng số cổ đông được mời và ủy quyền tham dự đại hội là: 190 người, Đại diện cho tổng số: 11.832.993 cổ phần ứng với tỷ lệ là: 96,8 %.
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty; Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty cổ phần Thép Thủ Đức đủ điều kiện để tiến hành họp.

PHẦN II. NỘI DUNG ĐẠI HỘI

1. Đại hội đã nghe Đoàn chủ tịch thông qua chương trình đại hội.
2. Đại hội đã nghe Ông: Nguyễn Phùng Hiền - Tổng giám đốc; Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015, kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2016. Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán.
3. Đại hội đã nghe Bà: Đoàn Hồng Hà trình bày Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty năm 2015.



4. Đại hội đã nghe ông: Nguyễn Phùng Hiền - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc báo cáo các tài liệu trước đại hội bao gồm: Tờ trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016; Tờ trình phân chia lợi nhuận năm 2015; Tờ trình dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2016; Tờ trình Đại hội đồng cổ đông quyết toán thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát năm 2015; Tờ trình về chế độ thù lao của HĐQT - BKS năm 2016; Tờ trình kế hoạch đầu tư năm 2016; Tờ trình Đại hội đồng cổ đông v/v giao quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán năm 2016; và Tờ trình của Hội đồng quản trị v/v thay đổi tên Công ty.
5. Đại hội đã nghe ông: Trịnh Chính Sinh báo cáo Tờ trình v/v sửa đổi điều lệ Công ty phù hợp với luật doanh nghiệp năm 2014.
6. Đại hội đã nghe Ông Hoàng Ngọc Oanh thông qua tờ trình của HĐQT về kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT, thay thế thành viên HĐQT xin thôi nhiệm; Bầu bổ sung thành viên ban kiểm soát, thay thế thành viên ban kiểm soát xin từ nhiệm.
- + Bầu bổ sung thành viên HĐQT, thay thế thành viên HĐQT xin từ nhiệm
- Thông qua đơn từ nhiệm thành viên HĐQT của ông: Hoàng Ngọc Oanh.
Tỷ lệ biểu quyết: Đồng ý : 100%; không đồng ý: 0 %.
 - Bổ nhiệm bổ sung ông: Dương Minh Chính làm thành viên HĐQT.
Tỷ lệ biểu quyết: Đồng ý : 100%; không đồng ý: 0 %.
- + Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát, thay thế thành viên Ban kiểm soát xin từ nhiệm.
- Thông qua đơn từ nhiệm thành viên Ban kiểm soát của ông: Huỳnh Văn Phúc
Tỷ lệ biểu quyết: Đồng ý : 100%; không đồng ý: 0 %.
 - Thông qua danh sách Ban kiểm phiếu gồm:

Ông: Phạm Văn Trân	- Trưởng ban
Bà: Nguyễn Thị Thu Giang	- Thành viên
Ông: Tạ Đình An	- Thành viên

Tỷ lệ biểu quyết: Đồng ý : 100%; không đồng ý: 0 %.
 - Thông qua danh sách bầu bổ sung ông: Nguyễn Minh Sơn làm thành viên Ban kiểm soát.
Tỷ lệ biểu quyết: Đồng ý : 100%; không đồng ý: 0 %.
7. Ban kiểm phiếu thông qua thể lệ bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát và tiến hành bầu cử bằng bỏ phiếu kín.
8. Công bố kết quả bầu cử.
- + Ông: Hoàng Ngọc Oanh báo cáo kết quả bầu chủ tịch Hội đồng quản trị mới: Hội đồng quản trị đã nhất trí bầu ông: Dương Minh Chính làm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty với tỷ lệ là 5/5. Các thành viên Hội đồng quản trị ra mắt Đại hội
- + Ông: Phạm Văn Trân báo cáo kết quả bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát: Kết quả ông: Nguyễn Minh Sơn được bầu bổ sung làm thành viên Ban kiểm soát với 177 /178 phiếu ứng với 11.802.533 cổ phần. Các thành viên Ban kiểm soát ra mắt Đại hội.

9. Phân thảo luận của các cổ đông và giải đáp của Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty

- Ông: Hoàng Ngọc Oanh phát biểu ý kiến cảm ơn lãnh đạo Tổng Công ty và các cổ đông đã ủng hộ cá nhân hoàn thành nhiệm vụ, đồng thời tạo điều kiện và cơ chế thuận lợi cho Thép Thủ Đức phát triển toàn diện những năm vừa qua.
- Chất lượng sản phẩm của Thép Thủ Đức đáp ứng tốt cho thị trường và cạnh tranh tốt trong điều kiện hiện nay.
- Công ty Thép Thủ Đức đã xây dựng được thể hệ quản lý tốt và đội ngũ công nhân lành nghề, cùng với thương hiệu: “Thép Thủ Đức- ViKimCo” đã định hình tốt trong thị trường thì khi đi dời đến đâu vẫn có thể phát huy tốt tiềm năng và thế mạnh của mình.

10. Ông: Bùi Văn Hùng, Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty thép Việt Nam, là đại diện cổ đông lớn phát biểu với đại hội.

- Cảm ơn Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty cổ phần Thép Thủ Đức đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, duy trì tốt sản xuất, bảo toàn vốn, sản xuất có lãi và duy trì tốt thương hiệu thép của Tổng Công ty.
- Xin chúc Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát mới hoàn thành tốt nhiệm vụ trước toàn thể cổ đông.
- Trong những năm qua, Tổng Công ty đã tạo điều kiện cho các Công ty cổ phần, trong đó có Thép Thủ Đức hoạt động độc lập, chủ động trong kế hoạch sản xuất, đầu tư và chủ động vay vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh.
- Tổng Công ty sẵn sàng sát cánh và hỗ trợ tối đa Thép Thủ Đức với trách nhiệm là cổ đông lớn để tạo điều kiện cho Công ty chủ động lập phương án đầu tư, di dời và phát triển. Thép Thủ Đức cũng cần cố gắng chủ động khai thác tốt nhất quỹ đất hiện hữu và có phương án lên sàn giao dịch chứng khoán để có thể huy động thêm vốn phục vụ cho di dời.

11. Biểu quyết thông qua các nội dung làm việc của Đại hội.

11.1. Thông qua Báo cáo tổng kết công tác sản xuất kinh doanh năm 2015, phương hướng và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2016. (có văn bản kèm theo)

Tỷ lệ biểu quyết: Đồng ý: 100.%; không đồng ý: 0 %.

11.2 Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2015.

Tỷ lệ biểu quyết: Đồng ý: 100.%; không đồng ý: 0 %.

11.3 Thông qua: Báo cáo của Ban kiểm soát kết quả kiểm tra giám sát năm 2015.

Tỷ lệ biểu quyết: Đồng ý: 100.%; không đồng ý: 0 %.

11.4 Thông qua tờ trình phân chia lợi nhuận và lập các quỹ năm 2015:

Tỷ lệ biểu quyết: Đồng ý: 100.%; không đồng ý: 0 %.

11.5 Thông qua tờ trình quyết toán thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2015

Tỷ lệ biểu quyết: Đồng ý: 100.%; không đồng ý: 0 %.

11.6 Thông qua tờ trình: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016

Tỷ lệ biểu quyết: Đồng ý: 100.%; không đồng ý: 0 %.

18922

HÀN

HEP

U ĐU

C-TP.HC



11.7 Thông qua tờ trình: Kế hoạch đầu tư năm 2016

Tỷ lệ biểu quyết: Đồng ý: 100.%; không đồng ý: 0 %.

11.8 Thông qua tờ trình: Dự kiến phân bổ lợi nhuận năm 2016

Tỷ lệ biểu quyết: Đồng ý: 100.%; không đồng ý: 0 %.

11.9 Thông qua tờ trình: Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2016

Tỷ lệ biểu quyết: Đồng ý: 100.%; không đồng ý: 0 %.

11.10 Thông qua tờ trình v/v giao quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán năm 2016.

Tỷ lệ biểu quyết: Đồng ý: 100.%; không đồng ý: 0 %.

11.11 Thông qua tờ trình về việc Thay đổi tên Công ty và Sửa đổi điều lệ Công ty

Tỷ lệ biểu quyết: Đồng ý: 100.%; không đồng ý: 0 %.

12. Đại hội đã nghe Ông: Bùi Phương Nam báo cáo Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 và nhất trí thông qua với tỷ lệ biểu quyết: 100%.

13. Đại hội đã nghe Ông: Nguyễn Văn Vịnh báo cáo Dự thảo biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 và nhất trí thông qua với tỷ lệ biểu quyết: 100%.

Biên bản này được lập và hoàn thiện vào hồi 11 giờ 30 ngày 05 tháng 04 năm 2016, ngay sau khi kết thúc chương trình làm việc và đã được đọc lại trước toàn thể đại hội.

Đại hội tuyên bố bế mạc.

THƯ KÝ

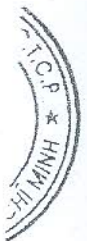


Nguyễn Văn Vịnh



Chủ tịch HĐQT

Hoàng Ngọc Oanh



NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức.

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức ngày 05 tháng 4 năm 2016.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức ngày 05 tháng 4 năm 2016 với sự có mặt của 190 cổ đông và người được ủy quyền dự họp tương đương 11.832.993 cổ phần, đại diện cho 12.225.393 cổ phần tương đương 96,8 % trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đã thảo luận và biểu quyết thông qua các Điều sau đây:

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty về các hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 với tỷ lệ: 100 % số cổ phần biểu quyết dự họp.

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015:

- Thép thời : 155.791 tấn
- Thép cán : 128.936 tấn
- Tiêu thụ thép cán : 128.099 tấn
- Tiêu thụ phôi thép : 24.447 tấn
- Doanh thu : 1.585,372 tỷ đồng

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016:

- Thép thời : 160.000 tấn
- Thép cán : 130.000 tấn
- Tiêu thụ thép cán : 130.000 tấn
- Tiêu thụ phôi thép : 25.000 tấn

Điều 2: Thông qua Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Thép Thủ Đức năm 2015 đã được kiểm toán với tỷ lệ: 100 % số cổ phần biểu quyết dự họp.

Điều 3: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kiểm tra giám sát hoạt động của Công ty năm 2015 với tỷ lệ: 100 % số cổ phần biểu quyết dự họp.

Điều 4: Thông qua tờ trình Đại hội đồng cổ đông về chia cổ tức và lập các quỹ của Công ty năm 2015 với tỷ lệ: 100 % số cổ phần biểu quyết dự họp. Cụ thể như sau:

- Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2015 : 55.018.564.394 đồng
- Tổng lợi nhuận sau thuế : 42.731.864.571 đồng
- Tổng vốn điều lệ : 122.253.930.000 đồng

Phân chia lợi nhuận như sau:

- 1. Lợi nhuận để lại chưa phân phối (50%) : 21.365.932.286 đồng
 - 2. Tổng lợi nhuận sau thuế còn lại được chia : 21.365.932.286 đồng
 - Quỹ đầu tư phát triển (4.89% LNPP) : 1.045.492.242 đồng
 - Quỹ phúc lợi (6.5% LNPP) : 1.388.785.599 đồng
 - Quỹ khen thưởng (6.5% LNPP) : 1.388.785.599 đồng
 - Quỹ thưởng HĐQT, BKS, BDH, thư ký C.ty (2.00 % LNPP): 427.318.646 đồng
 - Chia cổ tức (80.11 % LNPP): 17.115.550.200 đồng
- Chia cổ tức năm 2015 bằng tiền mặt tỉ lệ 14%/mệnh giá cổ phần (1.400 đ/01 CP).

Điều 5: Thông qua tờ trình Đại hội đồng cổ đông về dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2016 với tỷ lệ: 100 % số cổ phần biểu quyết dự họp, cụ thể như sau:

- Tổng lợi nhuận trước thuế : 25.000.000.000 đồng.
- Tổng lợi nhuận sau thuế : 19.500.000.000 đồng.
- Tổng vốn điều lệ : 122.253.930.000 đồng.

Phân chia lợi nhuận như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển (3.5% LNPP) : 681.989.100 đồng
 - Quỹ phúc lợi (6.5% LNPP) : 1.267.500.000 đồng
 - Quỹ khen thưởng (6.5 % LNPP) : 1.267.500.000 đồng
 - Quỹ thưởng HĐQT, BKS, BDH, thư ký (2 % LNPP): 390.000.000 đồng
 - Chia cổ tức (81.5% LNPP) : 15.893.010.900 đồng
- Chia cổ tức năm 2016 bằng tiền mặt tỉ lệ 13% /mệnh giá cổ phần (1.300 đ/01 CP).

Điều 6: Thông qua tờ trình Đại hội đồng cổ đông về chế độ thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2016 với tỷ lệ: 100 % số cổ phần biểu quyết dự họp, như sau:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị : 5.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên HĐQT và Trưởng ban kiểm soát : 4.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên Ban kiểm soát : 2.500.000 đồng/tháng.
- Thư ký Công ty : 3.000.000 đồng/tháng.

Điều 7: Thông qua Tờ về kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT, thay thế thành viên HĐQT xin thôi nhiệm của HĐQT với tỷ lệ: 100 % số cổ phần biểu quyết dự họp.

Điều 8: Đại hội bầu bổ sung thành viên ban kiểm soát, thay thế thành viên ban kiểm soát xin thôi nhiệm kết quả như sau:

Ông Nguyễn Minh Sơn trúng cử vào thành viên Ban kiểm soát với số phiếu bầu là 11.802.553 phiếu biểu quyết tán thành chiếm tỷ lệ 99,7 % số cổ phần biểu quyết dự họp.

Điều 9: Thông qua tờ trình giao quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2016 với tỷ lệ: 100 % số cổ phần biểu quyết dự họp.

Điều 10: Thông qua tờ trình về kế hoạch đầu tư năm 2016 của công ty, tổng mức đầu tư là 9.5 tỷ đồng với tỷ lệ: 100 % số cổ phần biểu quyết dự họp.

Điều 11: Thông qua tờ trình về việc sửa đổi điều lệ, Tờ trình về việc sửa đổi tên Công ty với tỷ lệ: 100 % số cổ phần biểu quyết dự họp.



Điều 12: Triển khai thực hiện Nghị quyết

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.
2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành có trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện tới Đại hội đồng cổ đông tại phiên họp thường niên năm 2017.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- UBCK;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Lưu: TK, VT

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ ĐẠO CUỘC HỌP**



Hoàng Ngọc Oanh



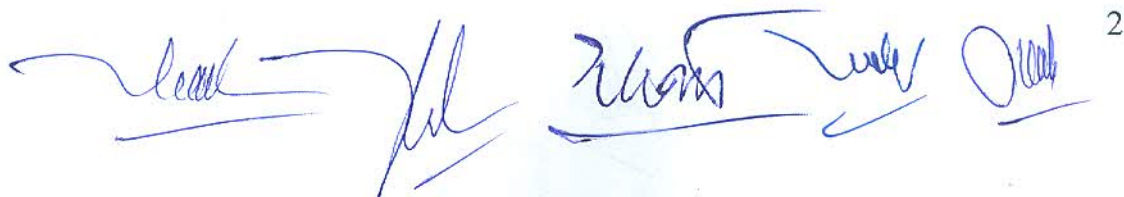
ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC - VNSTEEL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 4 năm 2016

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Định nghĩa	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	4
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	4
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	5
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	6
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	6
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần	6
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	7
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	7
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	7
Điều 9. Thu hồi cổ phần	8
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	8
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	8
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
Điều 11. Quyền của cổ đông	9
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	10
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 15. Các đại diện được ủy quyền	13
Điều 16. Thay đổi các quyền	14
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	20
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	21
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	21
Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	22
Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị	25
Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	25
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	29
Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý	29
Điều 29. Cán bộ quản lý	29
Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành	29
Điều 31. Thư ký Công ty	30
IX. Ban kiểm soát	31
Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát	32

2




Điều 33. Ban kiểm soát	32
X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC	33
Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng	33
Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	33
Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	34
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	35
Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	35
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	36
Điều 38. Công nhân viên và công đoàn	36
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	36
Điều 39. Phân phối lợi nhuận	36
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	37
Điều 40. Tài khoản ngân hàng.....	37
Điều 41. Năm tài chính.....	37
Điều 42. Chế độ kế toán.....	37
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	38
Điều 43. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	38
Điều 44. Báo cáo thường niên	38
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	39
Điều 45. Kiểm toán.....	39
XVII. CON DẤU.....	39
Điều 46. Con dấu	39
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	39
Điều 47. Chấm dứt hoạt động	39
Điều 48. Gia hạn hoạt động	40
Điều 49. Thanh lý	40
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	41
Điều 50. Giải quyết tranh chấp nội bộ	41
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	41
Điều 51. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	41
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	42
Điều 52. Ngày hiệu lực	42

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức thông qua theo nghị quyết hợp lệ, hợp chính thức vào ngày 05 tháng 4 năm 2016.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

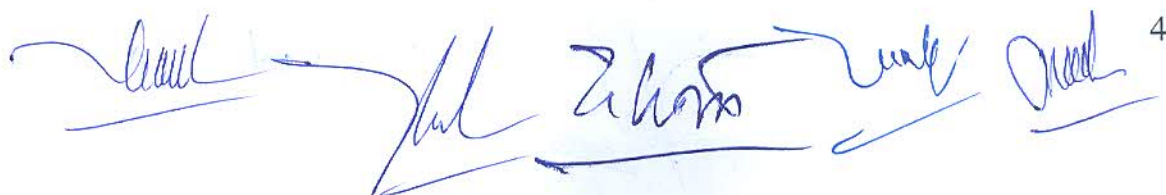
Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại điều 5 của Điều lệ này.
 - b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
 - c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.
 - d. "Cán bộ quản lý" là Tổng giám đốc điều hành, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng, Phó trưởng phòng, Quản đốc, phó Quản đốc phân xưởng và cấp Trưởng, cấp phó các đơn vị trực thuộc.
 - e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Khoản 17, Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.
 - f. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.
 - g. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên tiếng Việt: "CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC - VNSTEEL".

 4



- Tên tiếng Anh:

“VNSTEEL - THU DUC STEEL JOINT STOCK COMPANY”.

- Tên giao dịch: **VIKIMCO**

- Tên viết tắt : **VKC**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ : Km 9, Xa Lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại : (08)38969612 – (08)37312466

- Fax : (08)37310154

- Website : www.thepthuduc.com.vn

Email : thepthuducvkc@vnn.vn

4. Tổng giám đốc điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo điều 47 hoặc gia hạn hoạt động theo điều 48 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là 50 năm.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là :

- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu thép và các sản phẩm thép; nguyên nhiên liệu, thứ phế liệu kim loại cho sản xuất thép; các loại vật tư, thiết bị phụ tùng cho sản xuất thép, xây dựng, giao thông, cơ khí, công nghiệp.
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Sản xuất, kinh doanh oxy, nitơ, argon; mua bán, lắp đặt hệ thống thiết bị sản xuất và sử dụng khí.
- Kinh doanh, khai thác cảng. Dịch vụ giao nhận, vận chuyển hàng hóa, dịch vụ kho bãi, nhà xưởng.

5



- Xây dựng, kinh doanh cao ốc, văn phòng, nhà ở./.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực phù hợp với Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và các quy định của pháp luật để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách nhà nước và phát triển Công ty.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 122.253.930.000 đồng (*Một trăm hai mươi hai tỷ hai trăm năm mươi ba triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng*). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 12.225.393 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng.

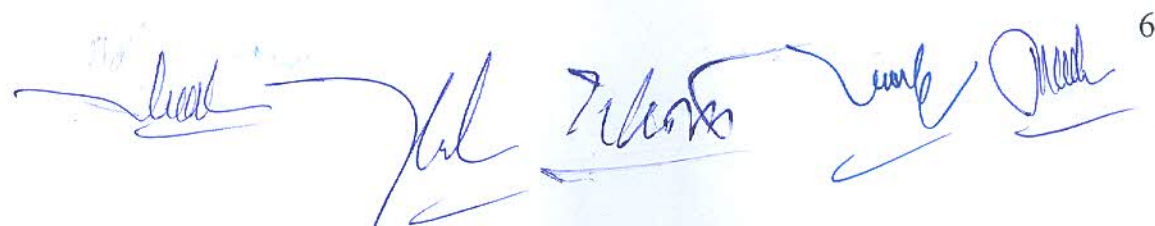
2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Hiện tại Công ty có một loại cổ phần duy nhất là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo được quy định tại điều 11 của Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và





pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn hai tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.





Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 12 % một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

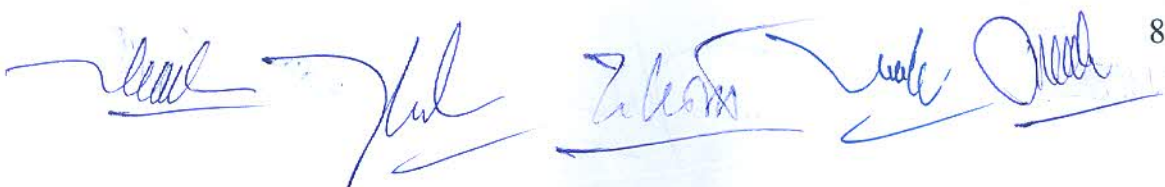
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc điều hành.



VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

đ. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;

i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32 của Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;



d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

đ. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 1% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 161 luật doanh nghiệp:

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

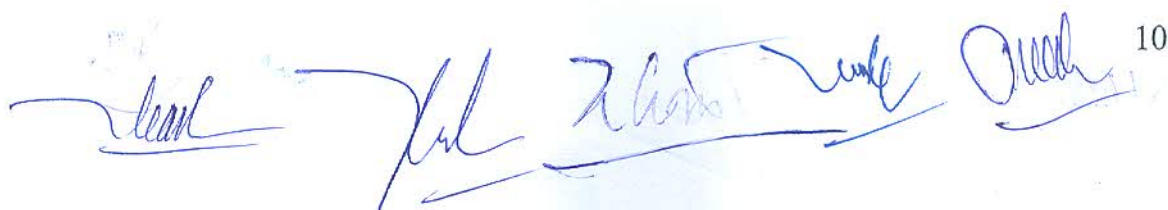
b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các

 10



kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;
- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 13;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty

11



hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán;
 - đ. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần ;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - m. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
 - n. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
 - o. Việc Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;

 12



p. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

q. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại điểm p Khoản 2 Điều 14 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư

    13



hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 15, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
- c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

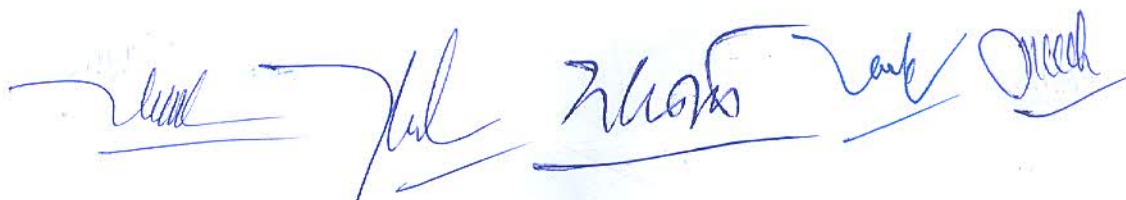
Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

 14



Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều 17 Điều lệ này trong các trường hợp sau:

a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5 % cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;

15



c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;

d. Các trường hợp khác.

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51 % cổ phần có quyền biểu quyết.

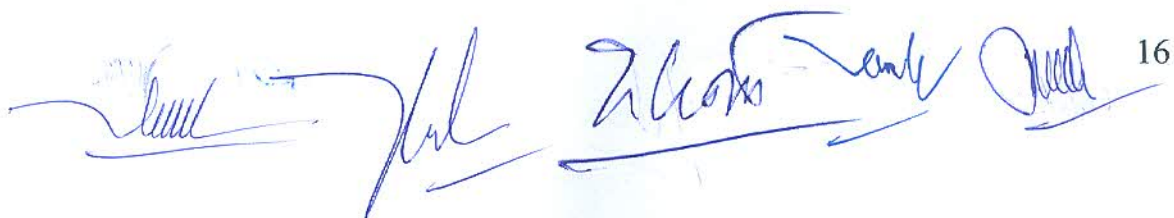
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33 % cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành,

 16



phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muốn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.

6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.

7. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

8. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.

9. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.





Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành.

2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

 18



Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các quyết định đã được thông qua;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

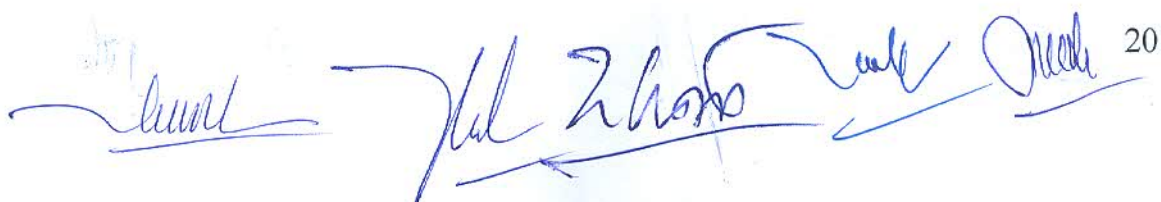
8. Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng

 20



cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10 % tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 45 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 5 người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% đến dưới 80% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 80% đến dưới 95% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;

đ. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

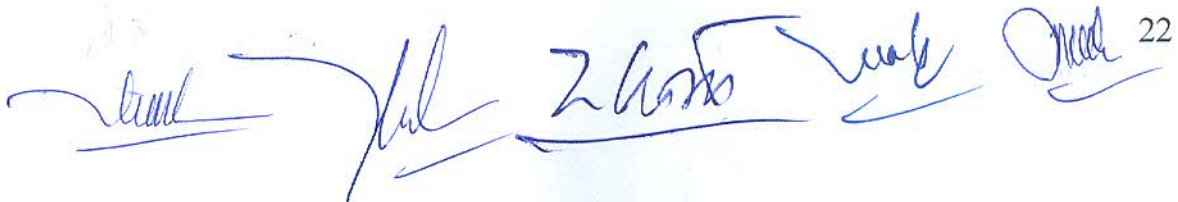
7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

 22



a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;

d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;

đ. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;

e. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền;

i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);

k. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành;

l. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;

m. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

đ. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

 23

e. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;

k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

l. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

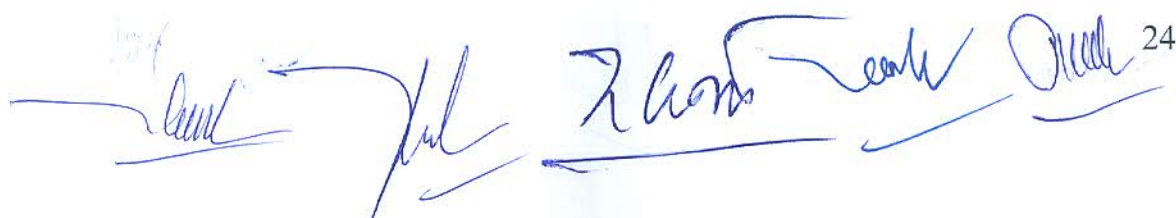
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

 24



10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và theo qui định tại Khoản 2 Điều 152 Luật doanh nghiệp.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;



b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

c. Ban kiểm soát.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27, phải được tiến hành trong thời bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

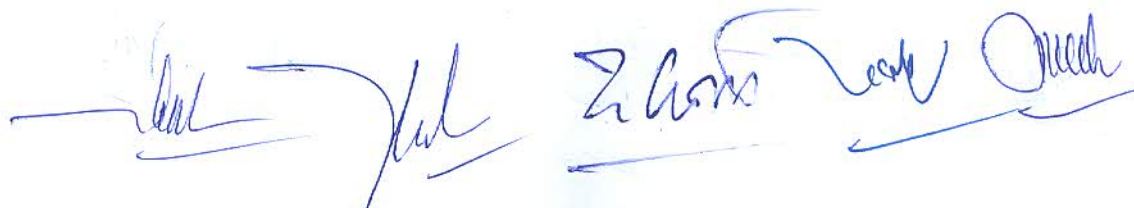
8. Cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9, Điều 27 mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công

 26



ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Điểm d khoản 9 Điều 27, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 35 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia

 27



cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.

15. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

16. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

 28



VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng giám đốc điều hành, các Phó tổng giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức. Các chức danh khác do Tổng giám đốc điều hành quyết định.

Điều 29. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý là người giữ các chức vụ từ phó phòng, phó quản đốc và chức vụ tương đương trở lên. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc điều hành, các Phó tổng giám đốc điều hành và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng, những cán bộ quản lý khác do Tổng giám đốc điều hành quyết định.

Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.

3. Tổng giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;



29



b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, quyết định mức lương, các lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động của cán bộ quản lý, trừ các đối tượng qui định tại Điều 28 của Điều lệ này;

d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

đ. Vào quý IV hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

e. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

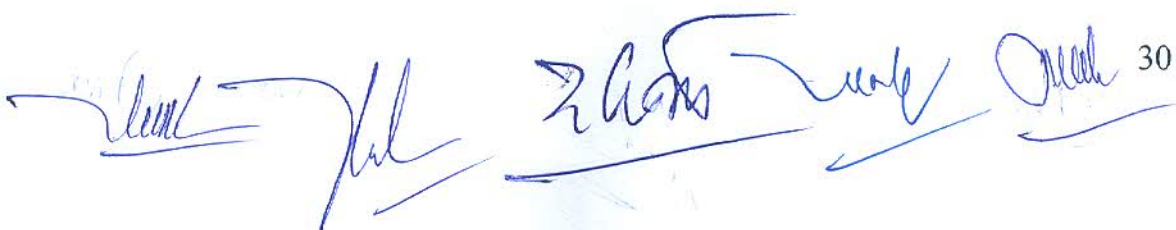
h. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành và pháp luật.

4. Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế.

Điều 31. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

 30



1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.

2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.

3. Tham dự các cuộc họp.

4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.

5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 3 thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Kiểm soát viên không được giữ các chức vụ quản lý công ty.

Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 65% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 65% đến dưới 80% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 80% đến 90% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử

ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

5. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
- b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty;
- c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;
- d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 33. Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định tại các Điều 165, 166, 168 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;
- b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
- d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;
- đ. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- e. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;

 32



g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;

h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.

4. Mức thù lao của các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản

trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực

chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì





những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 37. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.

2. Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 39. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

 36



5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 40. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 41. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 của năm đó.

Điều 42. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.



2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 43. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 45 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính..

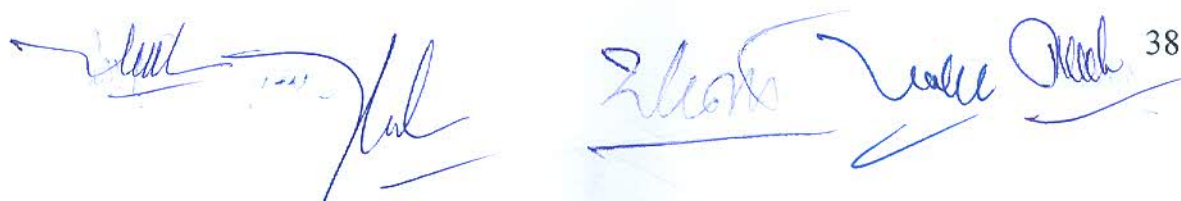
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp

4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 44. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

 38



XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 45. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. CON DẤU

Điều 46. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 47. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

39



d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 48. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 49. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;

c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;

d. Các khoản vay (nếu có);

đ. Các khoản nợ khác của Công ty;

e. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (đ) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

 40



XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 50. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các Luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp,

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 60 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Hội đồng quản trị chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 51. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 52. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 52 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thép Thủ Đức nhất trí thông qua ngày 05 tháng 4 năm 2016 tại văn phòng Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương
b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;

c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4 năm 2016

**CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên hội đồng quản trị ký tên



Lê Khắc Thành

Ủy viên hội đồng quản trị



Dương Minh Chính

Ủy viên hội đồng quản trị



Lạc Anh Kiệt

Ủy viên hội đồng quản trị



Nguyễn Phùng Hiền

Ủy viên hội đồng quản trị



Trịnh Chính Sinh